NĂM THỨ TƯ — Số 154 Thứ năm 10 Août 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Văn nôm đời Cảnh thịnh (1793-1800) — Hoa-Bằng
* Đại nam dật sự (XXXIX) — Nguyễn-văn-Tố
* Tùy bửng — Khoát-Vân — Mộng-Sơn
* Một quyển trung dung mới dịch ra quốc-ngữ — Ưng-hòe
* Một cách giải-quyết vấn-đề danh-từ hóa-học — Trần-cảnh-Hão
* Bốn năm trên dặc Các-Ba (II) — Vân-Đài
* Ba người thợ cần mẫn (IV) — Lê-Thanh
* Những ông nghè triều Lê (XCI) — Nguyễn-văn-Tố
* Bản sách dẫn về « Đại nam liệt truyện » (XX) — Lê-văn-Phúc
* Ba đạo sắc đời Minh mạng (1820-1840)... — Song-Cối
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXII) — Ưng-hòe
* An-Tư, tiểu thuyết (VII) — Nguyễn-huy-Tưởng

0$50

VĂN NÔM ĐỜI CẢNH THỊNH (1793-1800)

HOA-BẰNG

Xưa kia, ta đối với văn nôm, thường chỉ chuyên-chú vào văn vần, mà ít luyện tập đến văn xuôi. Cho nên trong khi ta đã có những câu lục bát hoặc bài hàn-luật rất điêu-luyện, rất bóng-bẩy, rất nhẹ-nhàng, thế mà, về lối văn, ta hãy còn chập-chững trong bước ấu-trĩ! Đó vì trước triều Tây-sơn, phàm những văn-thể như *hiểu văn, dụ văn, chiếu văn* vân vân khác, ta thường viết bằng chữ nho, chứ ít khi dùng đến tiếng mẹ đẻ.

Không « nang học » thì không bao giờ « hay » được : Đó là cái lẽ tất-nhiên.

Nhân khảo về đoạn sử Tây-sơn, tôi có tìm được ít nhiều văn nôm — cả lối văn lẫn vần văn — ở đời ấy. Tựu trung tôi thấy văn vần ở đương thời vẫn tiến hơn văn xuôi, tỏ càng tỏ rằng vì xưa ta ít chịu rèn luyện văn xuôi, nên bấy giờ dầu đã là cuối thế kỷ XVIII, vậy mà văn xuôi hãy còn tuổi xơ và lủng-củng đến thế!

Vậy xin cử một bài chiếu văn từ năm giáp dần (1794) đời Cảnh-thịnh làm lệ, để các bạn thấy cái trình-độ văn xuôi của ta cách đây 159 năm nó ra thế nào : nó lủng-củng những chữ hán! nó không được trải-chuốt, sáng-sủa, rõ-ràng, khúc-triết và dễ hiểu như văn xuôi bây giờ.

***

Dụ nhị Súy (1) quốc âm chiếu văn

(Phiên âm theo bản chữ nôm trong *Giụ am văn tập*, sách viết trường Bác-cổ, số A 604, quyển thứ nam, tờ 5 b-7 b).

Lời dẫn

Từ năm giáp-dần 1794, các tướng nhà Tây-sơn, nhân dịp tự-quân thổ-ấu, quốc-gia lắm việc, chèn bẫy lẫn nhau, tàn hại lẫn nhau để tranh chiếm lấy quyền-binh. Trần Quang Diệu, đầng vầy Diễn-khánh, hay tin Vũ Văn-Dũng làm mưa làm gió ở Triều-đình, giết chết cha con Bùi Đắc-Tuyên, bắt giam Ngô Văn-Sở, bèn lật đật rút quân kéo về, đóng ở phía nam sông Hương để uy hiếp Văn-Dũng.

Vua Cảnh-Thịnh phải sai người đi lại ủy-lạo, phủ-dụ, hòa giải cả đôi.

Dưới đây là bài chiếu do nhà vua bảo Phan Huy-Ích làm để dụ hai tướng Diệu, Dũng.

Nguyên văn bằng chữ nôm, nay tôi phiên ra quốc-ngữ và giải nghĩa những chỗ khó hiểu.

***

Chiếu thiếu-phó Diệu quận-công Trần Quang-Diệu, tư-đồ Dũng quận-công Vũ Văn-Dũng khâm tri :

Nhị khanh (1) là huân cựu đại thần (2), Quốc-gia trụ thạch (3), người thì phụng tuân cố mệnh (4), bảo dực trẫm cung (5), người thì chuyên chế Bắc-thành, bình hàn vương thất (6). Trẫm vốn lấy làm cổ quảng tâm lữ, dãi dĩ chi thành (7).

Khoảnh nhân biên sự khổng cúc (8), trọng lao khanh đẳng đồng bình vu ngoại (9). Như nay thổ-trí đồn ngữ đã rồi, mà hồi triều nghị sự, cũng lo tính thủy bộ cơ nghi dĩ đồ hậu cử (10), để cho thượng hạ chi tình tương đạt (11) thì cũng là phải. Dẫu là chưa có triệu mệnh, mà đã thiện hồi (12), cũng chẳng qua cấp ư quốc-kế, lược ư lễ văn (13), trẫm cũng chẳng hà trách những điều tế quá (14).

Bỗng nay nhị khanh tự hoài nghi cự, cách hà ủng binh, bất lai triều yết (15). Tăng dĩ lũy ban dụ chỉ, hãy còn suy thác trì hồi (16)! Trong quân thần phận nghĩa, mà tự xử đường ấy, khanh đẳng nghĩ đã yên lòng hay chưa ?

Trẫm thanh niên lâm chính (17), đường thành tín ngự hạ có điều chưa được tố phu (18), khiến tới nỗi những kẻ huân cựu đường ấy còn phải quải ngại vu tâm (19), ấy cũng là trẫm chi quá thất (20).

Tưởng nay đương buổi tông-thành thất thủ, kình địch tại tiền, dẫu quân thần đồng tâm mưu lự còn ở phất cập (21), bỗng lại gây nên nội hoạn (22), thì nữa quốc sự làm sao!

Vì như trẫm chẳng suy lượng bao hàm (23), lại cố lòng tường hại tướng thần (24), ấy là tự tiến kỷ vũ dực, thế ắt ngay vong lập kiến (25). Mà khanh đẳng dĩ binh hiếp chế khiến cho chả binh hạ dụ, đại cương vẫn xuyễn (26) thì cũng chung quy loạn vong. Thử nghĩ hai nhẽ ấy, trẫm an nhiên vì chi hồ ? khanh đẳng an nhiên vì chi hồ (27) ?

Dầu như khanh đẳng còn ngại tiếng « phạm thượng » mà lại bất năng thích nghi (28), thiên lượng nội đạo viên quân tâm lộ tha khứ (29), để đến nỗi nhân tình hung động (30), địch quốc ngoại thừa (31) thì tận khi tiền công, thủy nhậm kỳ cữu (32) ?

Trẫm thừa công miễu xã tắc chi trọng (33), nhị khanh vi Triều-đình đống cán chi thần (34), nhẽ đâu lưỡng lượng nghi trở (35), sự biến hoạnh sinh (36), chẳng là di tiếu thiên thu (37) vậy du !

Sổ nhật lai phẩn phụ tư duy (38), tâm thiện cận giảm (39), tưởng chung Quốc-gia đại kế hệ tại tư-tu (40). Vậy đã khai thành trị dụ (41), mà khanh đẳng còn chưa khai thi h, trẫm vưu bất an vu tâm (42) !

Vả kinh lãm khanh đẳng biểu nội (43) : sở chư thố-trí các điều cũng là đương hành sự nghi (44), song khanh đẳng còn đối khuyết liệt binh, vị lại triều yết (45), thì quân thần chi nghĩa chưa được minh chính (46). Như trong nước mà chưa thuận đạo, quân thần hầu dễ lo đường chính sự làm sao !

(Xem tiếp trang 19)

(1) Hai người.

(2) Bậc đại thần cố-cựu và có công lao.

(3) Vị đại thần gánh trọng nhậm nhà nước, như cái cầu co cột trụ, cột trụ để đỡ đó.

(4) Chỉ về Trần Quang-Diệu vì vua Quang-Tung khi sắp băng, có trối trăng dặn Quang Diện phải càng các tướng-tá, họp sức lại mà giúp Thái-tử. « Phụng tuân cố mệnh » nghĩa là vâng giữ lời nói của nhà vua khi sắp chết còn ngoái lại mà dặn bảo.

(5) Giữ gìn vững-giúp cho bản thân của « ta ».

(6) Cầm quyền coi giữ thành Thăng-long, làm phên-rậu che-chở và cội gốc vững chắc cho nhà vua.

(7) Ta cai hai người như chân, tay, trái tim và xương bả vai, lấy tình rất thực mà đối đãi.

(8) Gần đây, vì việc biên thùy rất gấp-rút.

(9) Làm lũ người lại phải khó-nhọc cầm quân ở ngoài.

(10) Mưu tính công việc sắp đặt, phòng thủ mặt thủy mặt bộ ra sao để liệu làm ở sau này.

(11) Cái tình trên dưới được thông đạt với nhau.

(12) Chưa có mệnh vua đến vời, đã tự tiện kéo quân về.

(13) Kịp vì mưu kế lo việc nước, nên mới rút bỏ hình thức lễ nghi.

(14) « Tế quá » nghĩa là lỗi nhỏ.

(15) Hai người tự mình mang lòng ngờ sợ, cách sống đông quá, không đến ra mắt nhà vua.

(16) Kiếm cớ thoái-thác mà chậm đến.

(17) Ta tuổi trẻ cầm quyền-chính.

(18) Đối với việc giả-ngự kẻ dưới, lòng tin thực của ta có chỗ chưa được phu phỉ một cách mộc-mạc.

(19) Thắc mắc lo ngại ở trong lòng.

(20) Điều lỗi của ta.

(21) Vua tôi đồng lòng mưu-loạn lo-nghĩ còn sự không kịp...

(22) Cuộc biến loạn ở trong.

(23) Nếu ta không đem độ lượng rộng rãi mà bao dung..

(24) Gây hại bằng tôi làm tướng.

(25) Tự mình cắt lông cánh của mình, lộ-thế tất phải nguy khốn và luân vong lập-tức.

(26) Quyền của ông vua đời xưa kẻ dưới, đại cương phải rối-ren, lộn-xộn.

(27) Ta há yên tâm mà làm thế ư ? các ngươi há yên tâm mà làm thế ư ?

(28) Không thể trừ bỏ nổi nghi-ngờ.

(29) Riêng đem quan quân thuộc đạo binh của mình tìm đường đi nơi khác.

(30) Lòng người sôi nổi nhao động.

(31) Nước bên địch nhân dịp mà dòm giỏ.

(32) Bỏ hết công lao từ trước, ai chịu cái lỗi ấy cho ?

(33) Ta gánh cái trách-nhậm nặng nề đối với lòng miếu, xã tắc.

(34) Hai người là hạng bầy tôi trọng-yếu như cái gò núc, cái thân cây của Triều-đình.

(35) Hai bên cùng ngờ-vực và làm ngăn trở lẫn nhau.

(36) Biến-cố ngoay-ngoáy xảy ra.

(37) Để tiếng cười lại nghìn năm.

(38) Vài ngày nay, giấu-giếm suy-nghĩ.

(39) Ăn, ngủ đều kém.

(40) Vận mệnh Quốc-gia quan hệ ở trong chốc-lát này.

(41) Sai sứ rồi ngựa đến dụ-bảo một cách thành thực.

(42) Lũ người còn chưa cởi lòng, trút bỏ điều ngờ thì ta lại càng không yên tâm.

(43) Đã xem trong biểu của lũ người.

(44) Mọi điều xếp-đặt cũng là những việc nên làm.

(45) Lũ người còn dàn quân lính ở đối cửa cung-khuyết chưa vào chầu-hầu.

(46) Tình nghĩa vua tôi chưa được rõ ràng, chính-đáng.

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 38 Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXIX. — Mười hai sứ-quân (bài nối)

Sau khi Nam-Tấn-Vương là Ngô-xương-Văn mất (năm 965), anh hùng trong nước nổi lên, mỗi người chiếm-cứ một chỗ, tức là mười hai sứ-quân. Trong mười hai sứ-quân có người là cháu đích-tôn vua Tiền Ngô, có người là con cháu họ hàng, có người là nha-tướng, có người là tham-mưu, nay kể tiểu-sử như sau này :

Ngô-xương-Xí là con Thiên-sách vương Ngô-xương-Ngập. Khi Xương-Ngập tránh nạn, chốn ở nhà Phạm Lệnh-công, lấy người con gái ở Nam-sách-giang sinh ra Xương-Xí. Xương-Xí gọi Ngô-xương-Văn bằng chú ruột, là cháu đích-tôn của vua Tiền Ngô, vì phỏng họ Ngô còn được làm vua, tức là Ngô-xương-Xí nối ngôi, cho nên *Đại - Việt sử - ký toàn - thư* (q. 5, tờ 25 a) chép riêng « Ngô sứ-quân, phàm nhị niên ; phụ các sứ-quân... », nghĩa là « Ngô sứ-quân, được hai năm ; chép phụ các sứ-quân khác... »: Đấy là theo nghĩa chính-thống. Các sử-thần sau ông Ngô-sĩ-Liên và bộ *Khâm định Việt-sử*, đều cho là khi Ngô Xương-Xí ra ở Bình-kiều thì thế-lực đã kém lắm, cho nên cũng chép ngang với các sứ-quân kia, chứ không phân-biệt.

Ngô Nhật-Khánh, *Khâm - định Việt-sử*, tiền-biên (q. 5, tờ 30 a) chép là người trong họ Ngô-Quyền (Ngô-Quyền chi tộc) ; đến *Khâm-định Việt-sử*, chính biên (q. 1, tờ 11 a) và *Đại Việt sử-ký, toàn-thư*, bản kỷ (q. 1, tờ 8 b) thì chép : « Ngô-Nhật-Khánh là đồng-đối Ngô Tiên-chúa (Nhật-Khánh, Ngô Tiên-chúa chi hậu), lúc đầu xưng là An-vương, cùng mười hai sứ-quân, chiếm cứ cõi đất (chỗ này Sử chép mười hai thì nhầm, vì tính cả Nhật-Khánh mới gọi là mười hai) ; đến sau Đinh Tiên-hoàng dẹp yên các sứ-quân, lấy mẹ Nhật-Khánh lập làm Hậu, lấy em gái Nhật-Khánh làm phu-nhân cho Nam Việt-vương Đinh-Liễn.

Sợ Nhật-Khánh sinh biến, nên lại gả công-chúa cho (như thế thì Nhật-Khánh là phò-mã của vua Đinh) định lấp cái lòng oán giận ; nhưng Nhật-Khánh ngoài mặt thì nói cười như thường, mà trong lòng vẫn chứa nỗi bất bình, đem vợ chạy vào Chiêm-thành, đi đến cửa bể Nam-giới (tức chỗ giáp giới chia hai huyện Thiên-lộc và Thạch-hà), cầm con dao vẫn đeo ở mình đâm vào má công-chúa, mà kể rằng « Cha mày lừa hiếp mẹ con ta, ta há vì cớ mày mà quên cái ác của cha mày được đâu ? Mày về nhà mày, một mình ta đi chỗ khác để tìm người có thể cứu ta ». Nói rồi, đi vào Chiêm-thành. Đến cuối năm kỷ-mão (979) nghe Đinh Tiên-hoàng đã mất, dẫn hơn một nghìn thuyền quân Chiêm-thành vào cướp, định đánh thành Hoa-lư, đi qua hai cửa bể Đại-nha (nay là cửa Liêu ở xã Quần liêu, huyện Đại-an) và cửa bể Tiểu-khang (nay là cửa Càn giáp giới huyện Yên-mô, tỉnh Ninh bình). Có một đêm, gặp gió lớn, thuyền quân đều bị úp, Nhật-Khánh và người Chiêm chết đuối, duy chúa Chiêm được thoát chết, bèn nhặt những quân sống sót đem về.

Đấy là theo sử, chép hai sứ-quân họ Ngô, còn các sứ-quân khác, sử không chép rõ, nay đem thần-tích của các lăng thờ, trích dịch như sau này :

« Kiều công Hãn và Kiều-Thuận, người châu Phong (tức huyện Bạch-hạc, phủ Vĩnh-tường, trấn Sơn tây). Ông nội là Kiều-công-Tiễn xưng tiết-độ sứ châu Giao, cha là Kiều-công-Chuẩn (có chỗ chép là Công-Nghĩa) sinh ba giai : con trưởng là Kiều-công-Hãn, con thứ hai là Kiều-công-Đĩnh, tên hủy là Bảng, thứ ba là Kiều-Thuận tức Kiều Lệnh-công. Trước kia Ngô-vương cho Kiều-công-Hãn làm Đề-sát coi việc nước, đến khi Ngô-vương mất, thái-tử là Ngô-xương-Ngập hãy còn nhỏ, gia-thần là Dương - Tam - Kha cướp ngôi, Xương-Ngập chạy đến Nam-sách-giang (nay phủ Nam-sách thuộc tỉnh Hải-dương), Tam Kha sai các tướng đem binh đi bắt, Kiều-công-Hãn cùng bọn Đỗ-cảnh-Thạc, Ngô-nhật-Khánh, Phạm - bạch - Hổ, mưu đón Xương-Ngập ở trong sơn-động. Việc ấy về năm ất-tỵ (945). Đến năm canh-tuất (950) con thứ vua Tiền-Ngô là Xương-Văn cùng các tướng bợp mưu truất ngôi Tam-Kha, tự xưng Nam-Tấn vương, sang năm sau (951) sai người đón anh là Xương-Ngập về Loa-thành, cùng coi việc nước. Đến năm ất-sửu (965) Nam-Tấn vương thân đi đánh bọn Chu-Thái ở quận Thao-giang, dẹp được ; nhân đánh được giặc, quên lối

sinh kiêu, lại thân hành đi đánh hai thôn Thái-bình Đường-nguyên bị tên có thuốc độc trúng phải, Nam-Tấn vương mất. Bấy giờ trong nước nổi lên mười hai sứ-quân. Trong mười hai sứ-quân, nhà họ Kiều này có hai người: anh là Kiều-công-Hãn giữ châu Thái, châu Hào, châu Phong, xưng là Kiều Tam-chế. Năm đinh-mão (967) Đinh Bộ-Lĩnh khởi binh đánh các sứ-quân. Ngày 6 tháng 12 quân Bộ-Lĩnh đi đến châu Phong, công-Hãn chống cự không nổi, bèn đem vài trăm quân huy-hạ đi về phía nam, muốn tới châu giao (tức huyện giao-thủy) cùng Ngô-nhật-Khánh làm kế tri-thủ; đi đến châu Nguyên (tức châu Thượng nguyên) nghe tin Nhật-Khánh đã đầu hàng, Công-Hãn biết thời-cục không làm gì nổi, bèn đem quân đến xã An-lũng (nay thiệp-luật) thuộc châu Trường (đời Trần là phủ Thiên-trường hiện nay huyện Mỹ-lộc, Thượng-nguyên, Nam-chân và Giao-thủy), thì trời đã trưa. Phía tây có một cái quán, quán-chủ người họ Phạm đón đường mời vào nghỉ. Công-Hãn bèn vào quán nghỉ chân, người đàn bà họ Phạm đem rượu hoàng-hoa và gỏi cá xanh để mời, Công-Hãn nói rằng: « Ta xa xôi đến đây, bà già sao đãi ta bậu thế? » người đàn bà thưa rằng: « Đêm tối nằm mộng thấy có người bảo rằng: Sáng ngày có vị đại-nhân đến, nên khoản đãi tử-tế. Vị đại-nhân ấy có lẽ là tướng-quân chăng? » Công-Hãn bèn nhận rượu và gỏi. Rồi cởi một cái áo gấm và những vàng bạc ở trên ngựa, sai người đem cho hết người đàn bà họ Phạm, xong rồi, tự đi đến cầu phía nam quan thì mất, tục gọi là Lũng-Kiều. Hôm ấy là mồng 10 tháng chạp năm đinh-mão (967) quân sĩ chôn cất, nhân dân bốn xã ở Bái-dương, Tang-chữ, Hiệp-luật và Ô-lũng họp nhau lập đền thờ. Trải qua Lê, Lý, Trần, Lê sang bậu-triều, đều có công âm-phù, nên nhà vua phong sắc (Lược theo thần-tích xã Bái-dương, tổng Bái-dương, huyện Nam-chân (tức Nam-trực), tỉnh Nam-định — thần-tích này do Ngô-thế-Vinh người làng Bái-dương, đỗ tam-giáp tiến sĩ khoa kỷ-sửu 1889).

Còn em là Kiều-Thuận, giữ Hồi-hồ (thuộc huyện Cẩm-khê, tỉnh Sơn-tây) xưng hiệu Lệnh công. Hiện nay ở xã Trường-xá, huyện Cẩm-khê, tỉnh Sơn-tây, có đền thờ thành sứ quân [illegible] là thành [illegible] Kiều [illegible]

(Còn nữa)

Đông-dương [illegible]

Tùy-hứng.

Chiều

tặng em Vân-Nga

Chuông réo ngày tàn, gió réo thông,
Đường chia đôi ngả, ánh sương rung.
Mây bay về lối dầu non bạc,
Buồm chạy theo chân lớp sóng hồng.
Chiều rũ sân đi hoa khép cánh,
Đêm mang tình lại khói tràn sông.
Giấc mơ năm trước còn trong mộng,
Thuyền đã theo ai chẳng lạc giòng.....

MỘNG-SƠN

Đi thi

(Tặng Chu-Thiên)

Mây sớm mới lô hồng,
Vầng đông chưa thấy ló;
Trên đường lũ-lượt đi,
Như kéo quân rầm-rộ.
Thì ra tại tỉnh Thanh.
Sáng nay đua sĩ-tử.
Bằng Sơ-Học giả cao:
Thí-sinh như nước lã.
Lẫn đám trẻ tuổi non,
Lòm-khòm một ông cụ:
Đầu khăn-chít còn tươm,
Chân giầy-ta đã eũ.
Cháu mười bốn theo sau,
Mặt-mày xem đĩnh-ngộ;
Đầu mũ trắng nghênh-ngang,
Chân-giầy tây ra-bộ.
Ông có vẻ đăm-đăm;
Cháu ra chiều bỡ-ngỡ:
Ông tiếc thi phú xưa,
Cháu lo ám-tả khó.
Ông chân lất-tả đi;
Tới trường vừa sáng rõ.
Trẻ ranh trông thấy cười,
Thì-thầm: « kìa bùi tó! »

KHOÁT-VÂN

MỘT QUYỂN TRUNG DUNG

mới dịch ra quốc ngữ

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Phan-Khoang mới ra một quyển *Trung-Dung chú giải*, in trong « Triết-học tùng-thư » của nhà Mai-Lĩnh, dày 124 trang, khổ giấy 12×19. Mỗi bài, tiện in chữ nho, dưới « dịch âm », « dịch nghĩa », và « chú-thích ».

Về thời chữ nho, quyển *Trung-dung* là một quyển dạy từ trung-học trở lên. Ai đã đi thi cũng phải tinh nghĩa *Tứ thư (Đại-học, Trung dung, Luận-ngữ, Mạnh-tử)* và *Ngũ kinh (Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân-thu)*. Cho nên có nhiều người làm sách diễn nghĩa, như sách « Trung-dung Đại-toàn » « Thể-chú » « Dẫn giải », « Huấn nghĩa », v. v., lại đặt một thứ gọi là « Hoạc vấn » để cho rõ nghĩa thêm. Chữ nôm thì có quyển *Trung-dung diễn nghĩa, Trung dung diễn ca*, v. v.

Từ ngày có phong-trào tân-học dịch ra quốc-ngữ cũng nhiều, mà dịch ra chữ tây cũng lắm. Giá ông Phan Khoang dịch được lọn nghĩa hơn những quyển đã xuất-bản, thì quyển của ông sẽ giúp ích cho những người muốn khảo-cứu « triết-lý của Khổng giáo » nhiều lắm. Nhưng có lẽ ông không xem những bản đã dịch từ trước đến giờ, như bản dịch chữ Pháp của ông Couvreur (*Les Quatre Livres*). Tôi thiết tưởng dịch như thế khó hơn dịch ở chữ nho ra quốc-ngữ, vì người Nam ta đối với chữ nho, gần thành ra chữ của mình, mà lại dịch ra quốc ngữ là tiếng của mình, thì dễ hơn chữ Pháp.

Tôi lấy mấy câu đầu của ông Phan-Khoang, so với bản chữ Pháp của ông Couvreur, để độc-giả xem có hơn được bản chữ Pháp không. Tôi lại so với bản chữ nho, xem dịch có đúng không.

Ngay bài đầu, đoạn thứ nhất, nguyên văn chữ nho là: « Thiên mệnh chi vị tính. Suất tính chi vị đạo. Tu đạo chi vị giáo ». Tôi dịch chữ tây của ông Couvreur ra quốc-ngữ để độc-giả dễ so-sánh: « Cái mệnh-lệnh của Giời đã phó cho trong lòng người, gọi là tính (tức là công-lệ tự-nhiên). Nói theo cái tính ấy gọi là đạo (tức là qui-tắc của sự hành-vi). Sửa đạo (hoặc làm rạng tỏ lòng người, vì phép-tắc bị nhân-dục làm mờ đi) gọi là giáo ». Đoạn ấy ông Khoang dịch là: « Cái trời phó cho gọi là tính, noi theo tính gọi là đạo, sửa cho hợp đạo, gọi là giáo ». Thế thì không rõ nghĩa chữ mệnh.

Đoạn thứ hai, chữ nho là « Đạo giả giả, bất khả tu dư lị giả. Khả lị, phi đạo giả. Thị cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đồ. Khủng cụ hồ kỳ sở bất văn ». Chữ tây dịch là: « Đã gọi là đạo, thì không bao giờ được xa, dù có chốc lát cũng không được; nếu xa được, thì không gọi là đạo nữa. Bởi vậy, người quân-tử cẩn-thận và có-ý, dù rằng không trông thấy việc gì cần phải cẩn-thận giữ-gìn; giật mình và sợ-hãi, dù rằng không nghe thấy điều gì cần phải run-sợ ». Ông Khoang dịch: « Đạo là cái chẳng nên rời ra giây phút nào, hễ rời ra được, thì chẳng phải là đạo nữa rồi. Vậy nên người quân-tử răn-rỏ và cẩn-thận về những điều mình chưa thấy rõ e sợ trong những điều mình chưa nghe chắc ». Ông dịch như thế, sai mất nghĩa chữ « bất khả » là « không thể được » chứ không phải là « chẳng nên » vì « không thể được » thì mới không xa cách được giây phút nào; nếu « chẳng nên » thì còn có lúc nên, không đúng nghĩa sách. Chữ « bất đồ », « bất văn » mà ông dịch là « chưa thấy rõ », « chưa nghe chắc » cũng sai.

Đoạn thứ ba, chữ nho: « Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi. Cố quân-tử thận kỳ độc giả ». Chữ tây dịch là: « Đối với người quân tử, không có gì rõ-rệt bằng nơi nấn-náo trong lòng, và không có gì rõ-ràng bằng những hình tích nhỏ mọn; thế cho nên người quân-tử trông-nom cẩn-thận đến những điều chỉ người quân-tử biết mà thôi (như tư-tưởng và tình-tình rất kín-đáo). Ông Khoang dịch là « Chẳng có gì tỏ hơn những chỗ mờ tối, chẳng có gì rõ hơn những điều mỗ nhen, vì vậy người quân-tử giữ-gìn cẩn-thận trông khi chỉ có một mình ». Câu « chẳng có gì tỏ hơn những chỗ mờ tối, ... rõ hơn những điều nhỏ-nhen » không

ai hiểu là gì, mà cũng không đúng nghĩa, không rõ được cái ý phải cẩn-thận thêm lên. Đến câu « người quân-tử giữ gìn cẩn-thận trong khi chỉ có một mình » lại càng sai nữa, chính nghĩa là những chỗ u-ẩn, những việc tế-vi, chưa ai bố cả, chỉ có mình mình biết thì càng phải cẩn thận, chứ có phải cẩn thận khi vắng người đâu!

Nay theo sách cổ nho dịch, thì lại như sau rằy:

« Cái mệnh-lệnh của giời phú cho người gọi là tính (tính vốn lành), họ theo tính ấy gọi là đạo (tức là lẽ giời), sửa cho hợp đạo gọi là giáo. Đã gọi là đạo, thì không thể xa cách được giây phút nào; nếu xa cách được, thì không phải là đạo nữa. Thế cho nên người quân-tử giữ-gìn cẩn-thận, dù chưa thấy (những việc đáng cẩn-thận), mà mình sợ-hãi dù chưa nghe thấy (những việc đáng sợ hãi). Đối với người quân-tử không có gì rõ-rệt bằng những chỗ u-ẩn, không có gì tỏ rõ bằng những việc tế-vi, cho nên dù là người quân-tử càng phải cẩn-thận về những chỗ chỉ mình mình biết » (nghĩa là trong khi ẩn-vi người ta không thấy, chỉ một mình biết, mà việc làm cũng phải rõ-rệt hơn là người ta đã biết.)

Đây là mới so sánh mấy câu đầu ở quyển sách ông Khoang, là những câu các ông đồ nho vẫn thuộc lòng, còn ở dưới thì đại-loại như thế cả. Lại có một điều trong những bài chú-giải phần nhiều ông Khoang dịch ở chữ nho, nhưng ông làm ra lời không phải dịch, như trang 17, có câu: « Người đã răn, e ước-thúc để cái tính trời phú cho không hề thiên lệch, để cùng cực cái *Trung* thì Trời đất cũng được an-vị, người đã cẩn-thận giữ gìn để trong khi ứng đối với vạn vật không chút sai lầm, không chút không xứng đáng, cho cùng cực cái *Hòa* thì vạn-vật đều được thỏa-thuê mà sinh sống ». Chính đoạn ấy những quyển dẫn giải chữ nho đều có cả. Có chỗ ông Khoang thêm vào có chỗ ông lại bớt đi, thành ra sai nghĩa. Nay theo bản chữ nho dịch lại như sau này: Từ chỗ giữ-gìn sợ-hãi mà ước-thúc lại (tức là càng phải nghiêm trang kính-cẩn) cho đến chỗ chí-tính (tức là không ai biết mà không lỗi thiên-lệch một chút nào, mà giữ gìn thường không lỗi tình sự ra cùng cực đều *Trung* mà trời đất được yên chỗ (tức là cảm hóa.) Từ chỗ thận-độc (tức là cẩn-thận khi chỉ có một mình) mà tinh-mật lại (tức là càng tinh-vi kỹ lưỡng) cho đến khi ứng-đối với vạn-vật, không hề sai lầm chút nào, mà thi-hành ra thường không trái thời suy ra cùng cực đều *Hòa* mà vạn-vật được thỏa thuê sinh sống ». Chữ nho *ước* đối với *tính* đây ông Khoang có dịch ước là ước-thúc, mà bỏ mất chữ *tính*; lại như chữ « vô thinh bất nhiên » nghĩa là không thi hành điều gì không phải, tức là việc làm thường không trái đạo, ông dịch là « không chút không xứng đáng » đã là sai, mà ông lại bỏ bớt đi nguyên chữ nho nói « vô » làm không trái » đối với « giữ-gìn không lỗi ». Có một đoạn con con như thế, mà nhầm nhiều lắm, ngay như câu « người đã cẩn-thận giữ-gìn để trong khi ứng đối... » không phải nghĩa thế, chỉ là « từ chỗ cẩn-thận một mình mà càng kỹ thêm cho đến khi ứng đối với vạn vật ». Thế là nhầm chữ « từ-chỗ » làm bớt « đã », nhầm chữ « cho đến » làm chữ « để trong », mất nghĩa chữ « tính » là càng kỹ.

Những sách thế lý về Khổng-giáo người Tây đã dịch ra nhiều rồi, dịch dịch quyển nào, nên so sánh các sách nho đời xưa đã chép với những sách của người Tây mới dịch xem có ý nghĩa gì khác, rồi lấy làm thế thì mới giúp ích cho đồng bang.

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN TỐ

ĐÃ CÓ BÁN

Khảo cứu về tiếng Việt-nam	của Đà Ngân	Giá: 2$50
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI	Truyện dài lý-tưởng của Dương-Ngà	— 3, 00
KIM - TỰ - THÁP	của Phan Quang Định	— 2 00
NỬA ĐÊM	Truyện thần-quái của Nam Cao	— 2 00
MỘT MỐI TÌNH	của Phạm Huy-Toại	— 3, 00
GIẤC MƠ PHỐ MÃ	Sách Hoa Mai của Vi Hồ	— 0 20
PHÁCH BƯỚM HỒN HOA	Sách hoa Mai của Thế-hưng	— 0, 30
BẢY BÔNG LỬA LÉP	Sách Hoa Mai của Nam-Cao	— 0, 50
HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG	Sách Hoa Mai của Tô-Lang	— 0, 50

NHÀ XUẤT-BẢN CỘNG LỰC

N° 9 Rue Takou, Hanoi

Một cách giải quyết vấn đề danh từ hóa học

TRẦN-CANH HAO

Vấn-đề danh-từ hóa-học thật là một nạn đề văn sách mà đề-mục có thể thuyết-minh như thế này :

Đời bây giờ là đời khoa-học. Nước nọ nhờ sánh khoa-học mà đã vùng-vẫy khắp Thái-bình dương, nước kia nhờ giỏi khoa-học mà tung-hoành trên Địa-trung-hải. Người có khoa-học mới là người có chút tri-thức ; nước không khoa-học, tất là nước không thể sinh-tồn.

Nay nước Nam nhà cần dùng 89 chữ mới để đặt tên cho 89 đơn chất hóa học. Giả sử mỗi một đơn-chất hóa thành 20 hợp-chất, thì lại cần dùng thêm 1780 chữ nữa để đặt tên cho các hợp chất

Như vậy thì :

1) Làm thế nào cho quốc-văn ta có thêm 1869 chữ mới, rất ít nét mà khác hẳn nhau, để dùng làm danh-từ hóa-học ?

2) Làm thế nào cho mỗi chữ mới chỉ gồm có một xi-láp hai xi-láp hoặc — bất đắc dĩ — ba xi-láp cho nó thích-hợp với cải tính-thần gẫy-gọn của tiếng ta ?

3) Làm thế nào cho tự-căn của chữ chỉ một đơn-chất xuất-hiện — một cách hoàn-toàn — trên mặt tất cả các chữ chỉ các hợp-chất có đơn-chất ấy, đã hóa-thành ?

4) Làm thế nào cho tất cả danh-từ hóa-học của ta có một cái hệ-thống nhất-trí, minh-bạch, để tiện sự nhớ, tiện sự nói, tiện sự viết, tiện sự dạy, tiện sự học, tiện... sự đặt thêm chữ về sau ?

Nước mình, vẫn nước văn-hiến ; người mình, lắm người anh-tài. Theo cựu học, nhiều ngài đỗ đến Bảng nhỡn, Thám-hoa ; theo tân-học, lắm ông đậu đến Thạc-sĩ, Bác-sĩ.

Nghe nhiều biết rộng, nghĩ kỹ suy xa ;

Bằng ít lời bốn câu hỏi ấy, mong dự ước nước Nam nhà ban chức

« Khoa-học Trạng-nguyên. »

***

I. — Về danh-từ các đơn-chất

Xét ra, văn-hóa của nước mình vốn là con đẻ của văn-hóa Tàu, chỉ là con nuôi của văn-hóa Pháp. Về văn-học, triết-học, thì dân-tộc mình chịu ảnh-hưởng của Tàu nhiều. Về khoa-học thì ảnh-hưởng của Pháp chiếm phần ưu thắng. Nhưng văn-minh Pháp là văn-minh La-mã. Riêng về phương-diện khoa-học thì chữ La-mã là thứ chữ độc-tôn : cả công-thức hóa-học đều đặt theo thứ chữ ấy. Thứ chữ hóa-học mà người Tàu mới chế ra cũng phỏng theo phù-hiệu La-mã. Vả lại, tất cả chữ Tàu cũng là chữ của nước mình : chữ tuy Tàu mà tiếng thì ta. Chữ Tàu đối với chữ ta có nhiều mật-thiết hơn chữ La đối với chữ Pháp.

Vì vậy, trong sự đặt danh-từ cho các đơn-chất hóa-học, tôi định theo ba nguyên-tắc này :

1) Lấy chữ La-mã đọc theo xi-láp Nam

2) Lấy chữ Tàu mà đọc theo tiếng Nam

3) Tùng lấm, dùng cách mới lại lập thành chữ Nam.

Hãy xem cái biểu đây thì sẽ hiểu

A. — *Biểu đơn-chất hóa-học*

Thứ	Chữ La	Phù-hiệu	Chữ Tàu	Chữ Nam	Bi-chú
1	Hydrogénium	*H*	氫	*Hin*	Lái hơ khing
2	Hélium	*He*	氣	*He*	Theo chữ La
3	Lithium	*Li*	鋰	*Li*	id
4	Beryllium	*Be*	鈹	*Be*	id
5	Bornum	*B*	硼	*Băn*	Theo chữ Tàu
6	Carbonium	*C*	碳	*Cê*	Th. ch. La
7	Nitrogénium	*N*	氮	*Nam*	L. nơ dam
8	Oxygénium	*O*	氧	*O*	Th. ch. La

Thứ	Chữ La	Phù hiệu	Chữ Tàu	Chữ Nam	Bị-chú
9	Fluorum	*F*	氟	*Fat*	Theo chữ Tàu
10	Néonum	*Ne*	氖	*Ne*	Th.ch. La
11	Natrium	*Na*	鈉	*Na*	id
12	Magnésium	*Mg*	鎂	*Me*	Th. ch. Tàu
13	Aluminium	*Al*	鋁	*An*	Th. ch. La
14	Silicium	*Si*	矽	*Si*	id
15	Phosphorum	*P*	磷	*Pán*	L : pơ lân
16	Sulfur	*S*	硫	*Su*	Th. ch. La
17	Clorum	*Cl*	氯	*Cư*	L : cơ lư
18	Argonium	*A*	氬	*A*	Th. ch. La
19	Kalium	*K*	鉀	*Káp*	L : ka giáp
20	Calcium	*Ca*	鈣	*Ca*	Th. ch. La
21	Scandium	*Sc*	鈧	*Săn*	L : sơ căn
22	Titanium	*Ti*	鈦	*Ti*	Th. ch. La
23	Vanadium	*V*	釩	*Va*	id
24	Chromium	*Cr*	鉻	*Các*	Th. ch. Tàu
25	Manganum	*Mn*	錳	*Măn*	id
26	Ferrum	*Fe*	鐵	*Fe*	Th. ch La
27	Cobaltum	*Co*	鈷	*Co*	id
28	Niccolum	*Ni*	鎳	*Ni*	id
29	Cuprum	*Co*	銅	*Cu*	id
30	Zincum	*Zn*	鋅	*Đen*	L : đơ tẹn
31	Gallium	*Ga*	鎵	*Ga*	Th ch. La
32	Germanium	*Ge*	鍺	*Ge*	id
33	Arsenium	*As*	砷	*At*	id
34	Selenium	*Se*	硒	*Se*	id
35	Bromium	*Br*	溴	*Bu*	L : bơ xu
36	Kryptonum	*Kr*	氪	*Kác*	L : ka khắc
37	Rubidium	*Rb*	銣	*Rư*	L : rơ như
38	Strontium	*Sr*	鍶	*Sư*	L : sơ tư
39	Yttrium	*Yt*	釔	*Yt*	Th. ch. La
40	Zirconium	*Zr*	鋯	*Di*	id
41	Columbium	*Cb*	鈮	*Cô*	id
42	Molibonium	*Mo*	鉬	*Mo*	id
43	Masurium	*Ma*	鎖	*Ma*	id
44	Ruthenium	*Ru*	釕	*Ru*	id
45	Rhodium	*Rh*	銠	*Rô*	id
46	Palladium	*Pd*	鈀	*Pa*	Th. ch. Tàu
47	Argentum	*Ag*	銀	*Ang*	L : a ngâng
48	Cadmium	*Cd*	鎘	*Cơc*	Th. ch. Tàu
49	Indium	*In*	銦	*In*	Th. ch. La
50	Scannum	*Sn*	錫	*Sin*	L : sơ tin
51	Stibium	*Sb*	銻	*Sê*	L : sơ dê
52	Tellurium	*Te*	碲	*Te*	Th. ch. La
53	Iodium	*I*	碘	*I*	id
54	Xenonum	*Xe*	氙	*Xe*	id
55	Cœsium	*Cs*	銫	*Các*	L : cơ sác
56	Borium	*Ba*	鋇	*Ba*	Th. ch. La
57	Lanthanum	*La*	鑭	*La*	id
58	Cerium	*Ce*	鈰	*Ce*	Th. ch. La
59	Prosesdymium	*Pr*	鐠	*Pô*	L : pơ phô
60	Neodymium	*Nd*	釹	*Nư*	Th. ch. Tàu
61	Illinium	*Il*	鉕	*Inh*	Th. ch. La
62	Samarium	*Sm*	釤	*Sam*	Th. ch. Tàu

Xem tiếp trang 12)

BỐN NĂM TRÊN ĐẢO CAC-BA

Số 2

của VÂN-ĐÀI

Nhà Đoan và nghề chài lưới

Tất cả quyền hành chính và quyền thương chính đều do một viên-chức nhà Đoan, người Pháp, kiêm quyền Đại-lý, trong coi. Về bên pháp-chính không có gì quan hệ. Dân cù lao là một dân biết phục tòng và theo kỷ luật hơn tất cả các nơi, dù ở đâu cũng vậy. Những bạng người ở gần Tạo-vật, xa nhân gian, lòng chân-thật đã có sẵn, lại không còn trông mong ở đâu hơn nữa, nên họ rất sợ những kẻ cầm quyền.

Cơ quan khẩn yếu nơi đây là nhà thương chính, một nhà Đoan phong phú nhất xứ Bắc-kỳ (nếu nói cả Đông Dương thì Cac-ba chỉ thua Biển-hồ (Tonlésap), một đồi chút)

Tất cả các thứ tiền thuế tiêu lãi, cái của bể con-con này mỗi năm đã cung cho ngân quỹ Nhà-nước có đến năng triệu.

Hàng triệu bạc ấy chỉ trông về nghề chài lưới ở nơi đây.

Người ta không thể vì nghề làm cá ở Cac-ba với Cát-bà được. Cát bà chỉ là khu chài lưới rất nhỏ do một số người Nam làm với những chiếc lưới mong manh những con thuyền bé nhỏ, không bao giờ giám mạo hiểm ra đến bể khơi hay xông pha nơi muôn trùng sóng bạc.

Các ba mỗi năm có một mùa đánh cá, bắt đầu từ tháng tám đến tháng tư ta. Mùa đánh cá chỉ có sáu tháng, những tháng đã bắt đầu mát mẻ và bể êm sóng lặng. Các thuyền to, trọng tải từ ba mươi đến bốn mươi tấn, đã lục tục bắt đầu sang từ Bắc-hải, Long-châu.

Mỗi năm sang có từ năm đến bảy trăm chiếc. Những chiếc thuyền không lồ mà người ta gọi là tầu ô, ở trong ấy, có đủ cả nơi ăn, chốn ngủ, có bếp nước có ô nuôi cá sống và muối cá chết. Các ô ở dưới thuyền rất ngăn nắp và rất kín đáo. Người ta có thể khu biệt nhiều ô riêng để nuôi gà, nuôi lợn, cũng có khi nuôi người, nếu là một thuyền mua người do mụ mìn dỗ trẻ con đem bán.

Một điều cho ta để ý, là mỗi năm các tầu ô sang đây, đều sang thuyền không với những chiếc lưới to những tay chân sào lực lưỡng. Rồi họ dùng sức khỏe của họ, làm một cách sung sướng trong sáu tháng trời, cho đến khi họ về với những thuyền đầy cá, những túi nặng tiền và nghỉ ngơi ăn chơi trong sáu tháng kia để chờ sang mùa khác.

Những hải vị mà người Nam ta vẫn ước ao, qui hóa như mực bắc-hải, hải-sâm, vây cá, bào ngư, long-tu, v.v., các bạn đừng tưởng, người Khách đã đem ở bên Tàu sang bán cho ta đâu. Không, đấy chính là hải-sản ở Các-ba, ở Côto (Gotow) ở Bạch-long-vỹ, các cù lao chung quanh miền duyên-hải xứ Bắc-kỳ, đã do tay khách trù đem đến cung phụng miệng lưỡi các bạn đó.

Mối lợi thứ nhất của họ đây còn thêm thứ cá muối mặn và cá phơi khô. Hai thứ này đã làm giàu cho họ một cách không ngờ.

Mặc dầu những cá ấy, người Nam ta không ăn mấy, song họ đã có cách tiêu thụ riêng, do những con đường ta không biết đấy là đâu cả.

Trước tôi đã nói, người thuyền chài khách chỉ sang đây với chiếc tầu ô và những cánh tay khỏe mạnh.

Dãy phố lụp xụp ở Các-bà là những kho của-cải và một nguồn sống độc nhất của bọn kia. Công việc thứ nhất của họ, khi thuyền gì ế bến, là phải lên phố, ở đấy họ được tiếp đã niềm nở do những tay cho vay lãi hàng năm. Người « tầu cá » (tiếng thuật-ngữ gọi bọn chài lưới tầu ô) ở đấy có thể vay tiền, mua hàng (tất cả các thực phẩm) một cách dễ dàng, để sau trừ vào tiền cá) khi họ ra bể đi về. Xong các việc tiền nong, họ còn phải ra sở Thượng-chính xin một cuốn sổ thuyền, do thuyền, đánh số thuyền mua muối và một mảnh giấy thuế thân, mới có đủ điều-kiện ra khơi được.

Tất cả sự tổn phí ở đây, người « tầu cá » tiêu tiền không bao giờ biết tiếc việc gì của họ cũng là tiền. Nhưng họ không lo, vì chỉ một mẻ cá là đủ.

Họ lại là những con nợ trung-thành không so-kè số lãi nặng nhẹ và cũng không cần xem lại khi người ta đó số tiền nợ có đúng với số nợ hay không?

Những buổi ca-âm vắng, mặt trời mùa thu đỏ rực đã lặn nửa vành sau một góc núi, còn lóe ra bể rất nhiều ánh sáng khói lọi. Cửa Các-bà vụt giang bởi từng hàng « tầu cá » tuần tự lên vào-

Thuyền nào cũng đầy cá tươi, trên mũi ông-ánh muôn ngàn ngôi sao bạc.

Chợ cá họp toàn thuyền con, những chiếc « siệng », nhỏ-bé như chiếc xe kéo đi trên bộ, thoăn-thoắt lướt trên mặt sông, với những tiếng ồn ào của các cô gái khách chở thuyền.

« A phò lọc thẻng
Có là phủng thoòng . »

***

Những thuyền buôn lậu

Mặc dầu sự canh phòng rất nghiêm ngặt của nhà Đoan, họ cũng không sợ cả những chiếc tầu Đoan tuần canh lúc nào cũng sẵn sàng và nhẹ như chiếc thoi trên mặt bể.

Họ vẫn luôn luôn « đi ngang về tắt ..» Một chiếc thuyền chở hàng đi, họ đã dự bị sẵn-sàng mua các vật liệu, họ chờ những đêm tối tăm, chỉ vài chiếc « siệng » con chuyên-chở hàng hóa ra tầu lớn. Đôi họ chỉ chờ một cơn gió. Cánh buồn của họ, một khi đã nâu cao lên với một chiều gió xuôi thì không còn tầu nào đuổi kịp.. Chú A., một người đã quen đi buôn lậu, vẫn thường tự cao khoe với mọi người : « *Hi Hàng Pạc-lòng-vỹ. Ngộ mậu phạ lớ*...(1) »

Có lẽ đến đây bạn ta đã hiện nguyên hình ra một tên giặc tàu ô thuở trước..

Các hạng bốc kỳ quan của tạo hóa ở nơi đây, không chỉ riêng tô-điểm một phong cảnh tuyệt trần ở Vịnh Hạ-long mà thôi đâu !

Cảnh đẹp kia không gây cho bọn buôn lậu một cảm giác mỹ quan nào hơn là giúp cho họ có những sào-huyệt tốt. Chú P. có mươi tạ mực khô, vài chục tạ cá muốn trốn thuế, chú sắp sửa cho một thuyền về Bảo-hà, nhất chú phải có một nơi để trữ sẵn hàng-hóa chờ ngày đi.. Cũng như hũ J. bên kia, chú cũng tìm được một sào-huyệt để tích trữ gạo là một hàng độc-nhất của chú.

Về nghề buôn bán trốn thuế này, rất riêng người khách đối với nhau một cách rất kín đáo. Họ hình như có một cảm tưởng chung, mỗi khi họ đã đến nhau đi ra tổ quốc của họ, mục đích họ là làm để sống, nên không thóc-mách và khinh-bỉ nhau, bất cứ một nghề gì, miễn là họ không làm mất tín nhiệm với nhau, thế là đủ...

***

Người Nam ở Các-bà

Không kể hai làng Tân-châu và Xuân đám, một số ít người Nam ở Các Bà, phần đông là người nghèo khổ. Nghề nghiệp của họ không có gì khác hơn là nghề lấy củi, lấy cỏ vác mướn thuê cho khách trú. Giữa nơi tiền rừng bạc bể, thế mà một số người ở chính đất nước nhà, vẫn cam tâm đứng bên cạnh sự sung sướng của kẻ khác, nhìn họ kiếm tiền một cả tu dễ dàng.

Có người hỏi rằng : « Hay là tại họ lười biếng ? Họ không muốn đi đánh cá ? Cớ sao ở trong đất liền họ ham sống tranh-cạnh mà ra đây họ phải bỏ lay »

Tôi xin trả lời chung cho họ : Vì rằng họ không có vốn. Giữa cảnh bể trời thênh thang cao rộng, nghề chài lưới có cấm ai đâu. Nhưng khốn nỗi bọn thuyền chài ta nghèo quá. Đứng trước những chiếc « tầu cá » đồ sộ như những gian nhà trên cạn, chiếc thuyền cá của người Nam bé nhỏ như chiếc lá. Làm sao vơ lại những mối lợi to tát kia. Thành thử người Nam vẫn sống nghèo khổ, lẩn lốn thôn. Nhiều buổi chiều dòng êm lặng, mặt nước phẳng như tấm lụa. Cạnh góc núi vắng người, một chiếc thuyền cầu, tỏa ra một làn khói trắng phơ phất theo chiều gió. Đấy là một gia-đình con con của một nhà thuyền chài, quanh năm sống trên mặt bể, nhưng sống rất đơn sơ thanh đạm. Ngọn gió tanh-lùng phất qua, bảo cho ta biết sự rét mướt, thì ở đây, dòng cũng như bể, họ không có gì hơn là những manh áo vải thô xấu. Những đứa trẻ con, con chàu họ, chúng sống đã quen với gió sương. Chúng chỉ trần truồng khi mùa hè và khoác chiếc áo mỏng mảnh lúc gió đông, thế là đủ..

Rồi ngày qua ngày, họ đánh những con cá bể, câu những con tôm to, (nhất là nghề câu tôm), bán lại cho thuyền khách. Người khách lại dùng tôm câu cá giống để lấy vây.

Nhiều ngày sống gần họn thuyền chài, tôi nhận thấy đời họ, có một đời sống đầy khí trời, đầy trong-sạch và tâm hồn họ rất chất phác. Riêng với họ, họ vẫn ước ao chiếc thuyền to, chiếc lưới chắc cho họ có thể vùng vẫy hơn nữa..

Gần đây nhà nước đã mở nhiều cuộc điều-tra về nghề đánh cá. Nhà nước đã đóng thuyền bỏ vốn, giúp một số đông thuyền chài người Nam.

Thật là một điều đáng mừng.

(Còn nữa)

VÂN ĐÀI

1) Đăn Bạch long-vỹ tôi không sợ gì nữa.

(Tiếp theo trang 9)

Thứ	Chữ La	Phù-hiệu	Chữ Tàu	Chữ Nam	Bi-chú
63	Europium	*Eu*	銪	*Êu*	Th. ch. La
64	Gadolinium	*Gd*	釓	*Got*	L : gơ lot
65	Terbium	*Tb*	鉽	*Tưc*	L : tơ dưc
66	Dysprosium	*Dy*	鏑	*Đy*	Th. ch. La
67	Holmium	*Ho*	鈥	*Ho*	id
68	Erbium	*Er*	鉺	*Ee*	id
69	Thulium	*Tu*	銩	*Tu*	id
70	Ytterbium	*Yb*	鐿	*Yp*	Th. ch. La
71	Lutecium	*Lu*	鑪	*Lu*	id
72	Hofnium	*Hf*	鉿	*Hơp*	Th. chữ Tàu
73	Tantalum	*Ta*	鉭	*Ta*	Th. ch. La
74	Wolfram	*W*	鎢	*Vo*	id
75	Rhenium	*Re*	錸	*Re*	id
76	Osmium	*Os*	鋨	*Ô*	id
77	Irdium	*Ir*	銥	*Ia*	id
78	Ilatinium	*Pt*	鉑	*Pât*	Th. ch. Tàu
79	Aurum	*Au*	金	*Au*	Th. ch. La
80	Hydrargyrum	*Hg*	汞	*Hô*	Th. ch. Tàu
81	Thallium	*Tl*	鉈	*Thu*	id
82	Plumbum	*Pb*	鉛	*Pun*	L : pơ dun
83	Bismuthum	*Bi*	鉍	*Bi*	Th. ch. La
84	Polonium	*Po*	釙	*Po*	id
85	Radon	*Rn*	氡	*Rôn*	L : rơ đôn
86	Radium	*Ra*	鐳	*Ra*	Th. ch. La
87	Actinium	*Ac*	錒	*Ac*	id
88	Thorium	*Th*	釷	*Tho*	id
89	Uranium	*U*	鈾	*U*	id

Vì chữ Tàu đã phỏng theo chữ La, nên theo chữ Tàu cũng nhiều khi na-ná như theo chữ La vậy. Theo La hay theo Tàu, ta không nên theo một cách rầu-rệ quá. Ta phải xử trí thế nào cho phần lợi về ta. Trước hết, nên biết rằng trong một tiếng nói (un son vocal), bất-hạn của dân-tộc nào, có ba nguyên-tố : *âm, khuôn* và *thanh*.

a) Âm của tiếng La, thế nào cũng phải dùng để chú chữ ta hợp với phù-hiệu. Phải dùng thêm mấy âm : f, k, p. Âm d của mình thế âm z của La cũng được. Âm v của mình thay âm w của họ cũng không hại gì. Chữ « cê » cứ đọc là « xê ». Chữ « ge » cứ đọc là « ghe ». Thu-xếp như vậy để cho tự-căn các chữ được biện-biệt với nhau. (« a » là tự-căn của chữ « a »; « tha » là tự-căn của chữ « tha ». Nhưng, trong những chữ « hin, băn, nam... », thì « hi, bă, na... » là những tự-căn. Điều nầy, cần phải chú ý.)

Đối với các khoa-học khác, sự thay-đổi tự-căn không khẩn-thiết, ta không nên lạm-dụng những âm kể trên : chúng nó hơi khó nghe mà cũng khó đọc. Riêng, âm p thì thì ít-dụng lắm : ta nên cho nó « nhập-tịch » mà bỏ bớt âm q đi. (Điều nầy tôi sẽ bàn sau.)

b) Lắm khi phải đọc trại khuôn của chữ Tàu đi một chút hoặc để cho các tự-căn được phân-biệt (Bắn, pât...), hoặc để cho chữ Nam thâu gọn lại bằng vài ba « lét » mà thôi (hô, xôm...), hoặc để cho chữ Nam gồm cả « lét » thứ hai của phù-hiệu (ăng). Vì những lẽ ấy, các dấu « lét » (dấu mũ, dấu ngăng, dấu râu) bất đắc-dĩ phải dùng.

c) Các dấu tiếng : huyền, ngã, hỏi, sắc, nặng, thì bỏ hẳn để cho chữ Nam khỏi rườm, để cho tiện sự viết...

d) Các chữ hay của La thì do phù-hiệu mà biểm qua, hoặc lấy vì-láp (dấu-tiện) của chữ nguyên (di, vo...), hoặc lấy vần của « lét » phù-hiệu (cê).

e) Dùng cách hỏi lại thì lấy âm

đầu-tiên của phù-hiệu lái với chữ Tàu đọc theo thói quen hoặc trại khuôn đi một chút.

Các chữ Tàu trong biểu đó, phần nhiều, đều đặt ra như cách đặt chữ nôm của tiên-nhân ta. Ta có thể đọc 89 chữ của họ như 89 chữ mới của ta: Đọc như vậy chỉ thấy lợi, chứ không có hại, vì ta sẽ có thể dùng một cách giả-tá bằng chữ Hán để viết quốc âm ta. (Điều này cũng sẽ bàn sau.)

g) Ta phải dùng mấy chữ: âu, ông, cê, cự, fe, hô, phun, sin... làm chữ khoa-học; còn mấy chữ: vàng, bạc, than, đồng, sắt, thủy ngân, chì, thiếc... đều lấy ra làm chữ thông-thường.

Nếu các nhà khoa-học trong nước thừa-nhận sáu thể-lệ mới kể trên thì quốc-văn ta sẽ thêm được 89 chữ mới, có uyên-nguyên, rất rõ-ràng, thật đơn giản và hết sức gẫy gọn.

II. — Về danh từ các hợp chất

Đến bây giờ, hóa học đã khám-phá ra rằng một đơn-chất có thể hóa-thành 4 loại hợp-chất, là:

1) Toan (酸)
2) Can (肝)
3) Giam (鹽)
4) Dêm (鹽)

Trong mỗi một loại, các thứ hợp chất khác nhau về lượng. Như đơn-chất « sulfur » đã có rất nhiều thứ toan: hyposulfurique, sulfureux, sulfurique, hyposulfureux, hydrosulfurique, pyrosulfurique, persulfurique, trithionique.. S,O H là 3 nguyên tố của bất-hạn toan nào. Duy, các thành-phần thì có khi nhiều có khi ít: S S^2 S^3, S^4; O^3, O^4, O^6, O^7, O^8,...; H, H^2,...

Vậy ta hãy chiếu-tùy thành phần của các nguyên-tố mà liệt các thứ hợp-chất thuộc về một loại ra, hãy liệt theo thuận-tự, từ ít đến nhiều. Như đối với các thứ toan của đơn-chất « sulfur », ta phải xử-trí như thế này: SOH, SO^3H^2, SO^4H^2, $S^2O^3H^2$, SO^4H^2, $S^2O^7H^2$, SO^5H^2, $S^2O^6H^2$, SO^6H^2. Đối với 3 loại kia: Can, giam và dêm, cũng phải xử-trí như vậy. Rồi dùng những tiếng khuôn sau, dấu không, phát khởi bằng hai lét « S U » để chỉ tên các thứ *toan*, đoạn đổi dấu không ra dấu hỏi để chỉ tên các thứ *can*; kế đổi dấu hỏi ra dấu sắc khử để chỉ tên các thứ *giam*; sau hết dùng những tiếng khuôn hai, dấu sắc nặng, cũng phát khởi bằng hai lét « S U » để chỉ tên các thứ *dêm*. Trong sự dùng tiếng như thế cũng chiếu-tùy thuận tự của an pha bê: a trước ă, a trước â, e trước ê, ô trước ơ,... tiếng nào gồm có 1 lét thì để trước, tiếng nào gồm có nhiều lét thì đặt sau. Hãy xem cái bảng sau đây thì sẽ rõ.

B. Biểu hợp-chất hóa học

Đơn-chất	Những hợp-chất do một đơn chất hóa-thành			
	TOAN	CAN	GIAM	DÊM
SU (硫) SULFUR	Sua (SO3H)	Sủa (?)	Súa (?)	Sud (?)
	Suê (SO3H2)	Sủê (?)	Súê (?)	Sụp (?)
	Sui (SO4H2)	Sủi (?)	Sái (?)	Sụt ?
	Sưa (S2O3H2)	Sửa (?)	Sứa (?)	Sụ ôc (?)
	Suy (S2O4H2)	Sủy (?)	Súy (?)	Sụ ếp (?)
	Sưi (S2O7H2)	Sủm (?)	Súm (?)	Sụt (?)
	v. v...	v. v..	v. v..	v. v..

(Xem tiếp trang 16)

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 91 *Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

9. — **Thiều-qui-Lĩnh**, người làng Dương-xá huyện Đông-sơn, phủ Thiệu-hóa, tỉnh Thanh-hóa. Năm 27 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa ất-sửu 1505. Làm quan đến Lại bộ hữu thị lang. Phụng mệnh đi sứ khi về, Mạc Đăng Dung đã cướp ngôi (từ năm 1527). Ông mắng nhiếc họ Mạc hết lời. Về đến cửa Long-nhĩ, bận đỡ triều-phục, ngảnh về phía nam, quì tâu về việc đi sứ; tâu xong ngửa mặt lên giời, khóc to, rồi nhảy xuống sông chết. Đến đời trung hưng (1533-1548) khen là tiết-nghĩa (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Thanh-hóa, tờ 12 b 13 a; *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 2 a).

10. — **Trần-Lỗ** (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 2 a), chép là Trần-Lỗ; *Đăng khoa bị khảo*, q. Son-nam, tờ 78 b, chép là Trần-tông-Lỗ), người làng Mĩ-đê, huyện Kim-bảng, phủ Lý-nhân, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa 1505. Làm quan đến Lễ bộ tả-thị-lang.

11. — **Trần-văn Bính**, người làng Cửu-cao, huyện Gia lâm, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc (nay Bắc-ninh). Nhà ở làng Thượng-tốn. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa 1505. Làm quan đến Lại-bộ tả-thị lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 81 a). *Đăng khoa lục* (q. 2, tờ 2 a) chép làm quan đến Lễ bộ tả-thị-lang.

12. — **Đỗ bá-Huân**, hoặc Huyên, người xã La-xá, huyện Từ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ nhị-giáp khoa 1505. Làm quan đến Lại-khoa đô-cấp-sự-trung (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 2 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương tờ 44 b).

13. — **Lưu-văn-Nguyên**, người xã Nhân-mĩ huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Năm 33 tuổi đỗ nhị-giáp khoa 1505. Sinh ra Lưu-văn-Hịch, đỗ nhị giáp khoa 1526 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn tây, tờ 4 b; *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 2 b).

14. — **Dương-đức-Giản** (chép theo *Đăng khoa lục*, q 2, tờ 2 b; còn *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương Thái-nguyên, tờ 99 b, chép là Dương-đức-Lan), người xã Linh-quang, huyện Bình-tuyền, phủ Phú-bình, tỉnh Thái-nguyên. Đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến đô-cấp-sự-trung, trí sĩ. Là ông nội Dương-Tông, đỗ tam giáp khoa 1589.

15. — **Đỗ-Tung**, người phường Xã-đàn, huyện Thọ-xương (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 2 b, chép là huyện Vĩnh-xương), phủ Phụng-thiên, thành Thăng-long. Năm 22 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến phó-đô ngự-sử. Tên tự là Hi-phủ, tên hiệu là Độn-trai (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương Phụng-thiên, tờ 104 a).

16. — **Trần-Lỗi**, người xã Thanh-thủy, huyện Tiên-phúc, phủ Bắc-hà, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp khoa 1505. Làm quan đến thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 65 b; *Đăng khoa lục*, q 2, tờ 2 b).

Khoa 1505, 36 ông đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân là những ông sau này:

1. — **Phạm-đôn Thác**, người xã Lạc-thực, huyện Thanh-lâm, phủ Nam sách, tỉnh Hảidương, Năm 22 tuổi đỗ tam-giáp khoa 1505. Làm quan đến hiến-sát sứ (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 62 a; *Đăng khoa lục* q. 2, tờ 2 b).

2. — **Nguyễn-gia-Du**, người xã Triều-khúc, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1505. Làm quan đến phủ-doãn Phụng-thiên (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn nam, tờ 36 a; *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 2 b).

3. — **Quách-Điện**, người xã Phù-khê (Phù-đàm), huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm 21 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1505. Làm quan đến Hình bộ hữu-thị-lang. Phụng mệnh đi sứ, chết giữa đường, truy tặng tả-thị lang. tước bá. Là con Quách-Tuấn, đỗ tam giáp khoa 1478 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 32 b). *Đăng khoa lục* (q. 2, tờ 3 a) chép « hai lần đi sứ Tàu, làm quan đến Hình-bộ thượng-thư ».

4. — **Nguyễn-tử-Chu**, người xã Lỗi-dương, huyện Thanh oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1505 (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 3 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 36 b).

5. — **Nguyễn-Thuật**, người cả Canh-hoạch, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1505. Làm quan đến đô-hình giám-sát ngự-sử. Là cháu gọi Nguyễn-bá-Kỳ (đỗ tam-giáp khoa 1463) bằng chú; anh họ Nguyễn-đức-Lượng (đỗ trạng-nguyên khoa 1514) và bác họ Nguyễn-khuông Lỗ (đỗ tam giáp khoa 1535) (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 36 b; *Đăng khoa lục* q. 2, tờ 3 a). *(Còn nữa)*

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bản sách dẫn về «Đại-Nam Liệt truyện»

Số 20 *Thọ-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC*

TÊN HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỌ
PHONG 風 *Dương văn*		Hà tĩnh, Cẩm xuyên	N	40	27a	
PHONG 瀛 *Huỳnh-xuân*		Hà tĩnh, La sơn	N	39	1a	
PHONG 豐 *Lê-văn*		Định tường (Mỹ tho	S	23	31b	cùng Lê văn Duyệt
PHONG 風 *Nguyễn-thạnh*	tự Bá-hồ	Quảng nam Hòa vang	N	37	13a	
PHONG 豐 *Nguyễn-văn*	tự Hữu niên	Bình định, Tuy viễn	N	35	9b	
PHỔ 溥 *Bùi*	hiệu Mão-hiên	Hà nội, Thanh trì	N	17	1a	
PHỔ » *Nguyễn đình*	sơ-danh Định	Thanh hóa, Thọ nguyên	N	17	21a	
PHỔ » *Nguyễn-tường*	tự Quảng-thức, hiệu Thứ-trai	Quảng nam, Diên phước	N	34	10a	lại có tên chữ là Kỉ nhân
PHỔ » *Phạm*	tự Trọng-tuyển	Thanh hóa, Hậu-lộc	N	25	20b	
PHỐI 配 *Lê-khắc*		Hà tĩnh, Hương sơn	N	43	4a	
PHÚ 富 *Đoàn-văn*		Thừa thiên, Quảng điền	N	20	23a	
PHÚ » *Lê-văn*		Thừa thiên, Quảng điền	N	16	1a	
PHÚ » *Ngô đoãn*		Thừa thiên, Quảng điền	N	40	7a	
PHÚ » *Nguyễn*		Thừa thiên	T	4	25a	con Nguyễn thắng Long
PHÚ » *Nguyễn-căn*		Biên hòa	S	15	16a	
PHỤC 復 *Trần-đôn*		Nam định, Mỹ lộc	N	38	29b	
PHÙNG 逢 *Ngô*	tự Nguyên-trọng	Hà tĩnh, Thạch hà	N	34	8b	
PHÙNG 縫 *Nguyễn cửu*		Nghệ an, Đông thành	S	29	4a	
PHỤNG 鳳 *Nguyễn-văn*	cũng đọc « Phượng »	Không rõ	S	17	4b	tử trận tại Ba thắc, sắc trung nhỉ là Sadéc
PHỤNG 奉 *Nguyễn-văn*		An giang, Vĩnh	S	17	3a	
PHỤNG 鳳 *Trần-văn*	cũng đọc « Phượng »	Thanh hóa, Ngọc sơ	S	16	8a	
PHỤNG » *Trương phước*		Thanh hóa, Quí huyện	S	5	9a	
PHỤNG » *Trương-văn*		Thừa thiên, Phong điền	N	40	6b	
PHỨC 馥 *Lý văn*	tự Lận chi	Hà nội, Vĩnh thuận	N	25	3b	
PHƯỚC 福 *Phan thiện*	nhất danh Tạo	Thừa thiên, Phú vang	S	9	8b	cũng đọc « Phúc »
PHƯỚC » *Tống văn*		Gia định, Bình dương	T	4	25b	con Tống văn Khôi
PHƯỚC » *Tống viết*		Gia định	S	13	7a	
PHƯỚC » *Trần-văn*		Không rõ	S	8	31b	tử trận tại Ba thắc
PHƯỚC » *Trần-văn*		Quảng nam, Diên phước	S	11	11a	
PHƯƠNG 芳 *Nghiêm*		Hà nội, Từ liêm	N	37	13a	
PHƯƠNG » *Nguyễn-tiếp*		Nghệ an, Thanh chương	N	39	22a	
PHƯƠNG 方 *Nguyễn trí*	tự Hàm-chương, hiệu Đường-xuyên	Thừa thiên, Hàng chi long	N	23 24	—	cựu danh Văn chương
PHƯỚNG 況 *Võ đình*		Quảng bình, Lệ thủy	T	1	26a	

—58—

QU

QUAN 鸛 *Hà văn*	tự Tử-thạch	Quảng bình, Phong đức	N	40	8b	
QUAN 冠 *Nguyễn-văn*		Nghệ an, Ái thành	N	38	4b	
QUÁN 瓘 *Trần-văn*		Thừa thiên, Hương trà	N	40	17a	

(1) T : Tiền-biên, S : Sơ-tập, N : Nhị tập

danh từ hóa học

(*Tiếp theo trang 13*)

1°) Trong biểu hợp-chất đây tôi dùng 4 thanh để chỉ 4 loại hợp-chất do một đơn-chất hóa-thành. Các tiếng thuộc về 4 thanh ấy đọc lên nghe trong trẻo, thanh-tao. Hơn nữa, các chữ thuộc về 4 thanh, trường bình và trường nhập không cần phải đánh dấu. Nói cả hơn khác: quên đánh dấu sắc nhập cũng không thấy hại gì.

Thế là tiếng Nam còn dành được 4 thanh nữa để hậu-khuyết. Nếu Hóa học có phát-minh một hay vài loại hợp-chất khác, các nhà chuyên môn về khoa ấy sẽ liệu mà dùng.

2°) Tôi dùng những tiếng khuôn sau để chỉ 3 loại hợp-chất: *toan can* và *giam*; rồi dùng những tiếng khuôn hai để chỉ loại *diêm*.

Vì khuôn chữ « su » phát-khởi bằng lét « u », nên các khuôn dùng trong biểu trên đây đều phát khởi bằng lét « u » cả. Nếu đặt tên cho các hợp-chất do đơn-chất « Xin » hóa thành, thì phải dùng những khuôn phát-khởi bằng lét « i »; như đặt tên cho các hợp-chất do đơn-chất « bác » hóa-thành, thì phải dùng những khuôn phát khởi bằng lét « ă »...v v....

Số khuôn phát-khởi bằng hai lét « O,U » thì ít hơn nhiều. Mà số khuôn phát-khởi bằng mấy lét « ă,â,e,ê... » thì hơi ít! Đó cũng là một sự-kiện mà ta nên chú-ý. Giả sử số diêm của đơn-chất các mà nhiều quá, thì trù-liệu thế nào? (Vì số khuôn hai phát-khởi bằng lét « ă » chỉ có ba mà thôi!). Trong trường-hợp đó ta sẽ gọi thứ *diêm* số 4 là *cát-ta*, thứ *diêm* số 5 là *cát-te*, thứ *diêm* số 6 là *cát-tê* v. v... Thu-xếp như vậy thì không lo gì thiếu khuôn.

3°) Số âm thì ít mà số đơn-chất thì thật nhiều. Cho nên 89 chữ dùng để đặt tên cho 89 đơn-chất, phần nhiều, đều phải điệp-âm với nhau: Hin, he, ho... sam, se, su... Chỉ có 2 chữ: Ây, xe » là cô-lập mà thôi. Vậy mà sự điệp-âm cũng chưa hại gì bao lắm. Hai chữ hay nhiều chữ chỉ đơn-chất mà điệp tự-căn với nhau mới là sự cực-kỳ rắc-rối! Tôi đã xoay trở hết-sức, thế mà trong 89 chữ chỉ đơn-chất còn đến 10 chữ vẫn điệp tự-căn: a, au, an, at,— I, ia, in, inh,— Yp, yt.

Đối với 10 chữ đó, thì phải thu-xếp như thế này:

a) Các toan của « a »; ai a, ay-a, ao-a...

b) Các toan của « ai »: ai-a, ay-au, ao-au...

c) Các diêm của « a »: ac-ta, ap-pa, at-ta...

d) Các diêm của « au »: ac-cau, ap-pan, at-tan.

Thế mà còn bị nỗi thiếu khuôn thì sự xử-trí tùy theo tình-thế và tùy theo âm điệu. Ví-dụ:

ai-au-a, ay-au-e, ao-au-ê,...v.v...
ac-cau-a, ap-pan-e, at-tan-ê,...v.v.

(Về điều nầy, hãy hội chuyên-ý rồi sẽ lập một qui-trình.)

Theo phương-pháp nầy thì mỗi chữ dùng để đặt tên cho một chất hóa-học sẽ gồm có một vài xi-láp, nhiều nhất là ba xi-láp. Cách đặt chữ như vậy rất hợp với cái đặc-tánh gãy-gọn của tiếng Nam ta. Hơn nữa, cách ấy thật là đổi-dào: chưa thấy gì là lúng-túng cả. Thanh, âm, khuôn của chữ đặt ra đều có tánh-cách Nam-âm: đều-hòa, âm nhạc.

Thế là dùng « thanh » để chỉ « loại » của cả hợp-chất, dùng « khuôn » để chỉ lượng của các thành-phần, dùng « âm » để chỉ « nguyên - tố chủ - yếu ». Thiết-tưởng, về sự sử-dụng các tiếng

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p·00 một vé

TỦ SÁCH NGÀY MỚI

ĐẠI HỌC THƯ XÃ trình bày:

Đã phát hành: **VĂN-HỌC và TRIẾT-LUẬN**

Hà Mộng-Sơn viết qua thực-trạng của xã-hội Việt-Nam tác-giả phê-bình và nghiên-cứu về phụ-nữ tiểu-thuyết, thi-ca, kịch-bản, giáo-dục, lịch-sử, diễn-văn, Văn-phạm, triết-học, kinh-tế, trong tác-phẩm của những nhà văn: Vũ trọng Phụng, Lan Khai, Anh thơ, hồ Dzếnh, Đạm Phương, C.K. Sơn, P.V. huệ, Lê, Du, hoàng ngọc Phách, Trần trọng Kim, Phạm duy Khiêm, Bùi Kỷ, Đoàn phú tứ, Nguyễn lương Ngọc, Nguyễn xuân Sanh, Phạm văn hạnh, huy Cận Ngô tất tố. *Giá 2$50*

SẮP XUẤT BẢN:

KHỔNG GIÁO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH *nghiên-cứu của Nguyễn uyên Diêm.*

VĂN CHƯƠNG VÀ XÃ-HỘI *nghiên-cứu của Lương-đức-Thiệp*

VIẾT VÀ SỐNG *của Nguyễn xuân Huy.*

CÒN MỘT ÍT:

MẸ ÔI *gia đình tiểu thuyết của Nguyễn khắc Mẫn Giá 3$50*

ĐẠI-HỌC THƯ-XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi Giám Đốc: LÊ MỘNG CẦU

nói của ta (nos sons vocaux) trong phạm-vi hóa-học, không có cách nào tiện-lợi hơn, liêm-tế hơn, và ổn-thỏa bởn.

Muốn tinh-thần khoa-học được rõ-rệt, hình-thức khoa học cần phải rõ ràng; danh-từ chuyên-môn cần phải rạng-rang, rành-rọt, rõ-ràng. Chữ « hyt-roc-xyl a-lu-min » đọc tên nghe lít-xít quá; chữ « hypo-S it-na » nói ra nghe « ngô-ngọng » quá. Cách chuyển chữ « parq de » ra chữ « bai » xem như độ lý-dạc quá; cách dịch « azote » ra « hơi nhẹ » « carbone » ra « hơi than », trông e nhẹ-nhàng và hỏ-hững quá. Viết chữ « mocolomũinoncanxi » thì dài-dặc và dây-dưa quá; đặt chữ « Hền siêm at khô bai siêm », thì cũng dong-dài, cũng cứ dón-dẻo quá.

Tên của một hợp-chất và công-thức của nó là hai chuyện khác nhau, vì có hai thứ tác-dụng khác nhau. « Tên nhiều khi rõ hơn công-thức ». Có lẽ, hiện-giờ ai cũng công-nhận rằng tiếng Pháp là thứ tiếng lưu-loát nhất và đích-xác nhất hoàn-cầu. Tuy vậy, hai chữ « sulfurique, sulfureux » cũng không chỉ rõ các thành-phần được ta chỉ biết thành-phần « O » trong « sulfurique » nhiều hơn trong « sulfureux » mà thôi.

Tế thì ta cứ viết công-thức như các nước Tây-phương; nhưng đừng đọc như họ. Gặp SO^3H^2 thì nên đọc « Su, O ba, hin hai » đừng cơ thì hãy đọc: « Xô, O ba, » thấy $C_{12}H_{22}O_{11}$ thì phải đọc: « Xê mười hai hin hăm-ba, O mười hai » v v... Tiếng nọ phức-tạp, họ bắt buộc phải đọc « lé »: tiếng nhỏ đơn-âm, thì cách đọc chữ có ý-nghĩa và có lý-thú hơn, thế.

Nếu muốn nhớ một cách dễ-dàng các công thức về hóa-học, ta cũng đừng quên sự ích-lợi của những câu ca, như câu này chẳng hạn:

Xê mười hai nguyên-tử, O mười hai cũng bường;
Hin hăm hai chết gì ta hóa môn đường « xêc-ca ».

Đặt danh-từ hóa-học là một việc rất khó! Khó nhất là sự đặt tên cho các hợp-chất. Phàm đặt danh-từ cho một khoa-học nào, lẽ phải minh-thông về khoa học ấy, và nhất là phải am-tường về ngữ-ngôn-học. Về ngữ-ngôn học nhờ dạy ông Phạm-đuy-tốn có biết một vài điều. Còn về hóa-học thì hoàn-toàn của tôi còn tỉ-sợ quá! Xin các ngài chuyên-môn uyên-bác, có điều gì sai sót, thị-lý-chính lại và chỉ giáo cho.

« Văn-hành công-khai ». Của văn hóa là cái của chung; nợ khoa-học là cái nợ chung. Ai có ý-kiến gì cũng nên phô-diễn ra để « công đồng lãm ». Nhân-tiện bàn về « danh từ hóa-học » đây, tôi xin nhắc đến những « dị đồng » mà tôi đã chú-ý trong khi đọc vào báo-chương cùng chút xu-hướng « khoa-học ».

1°) Theo ý-kiến của tôi, thì chữ « hình-học » xưa nay đã có, và có lẽ có trước chữ kỷ-hà-học. Dưới triều nhà Minh, ông Từ-quang-Khải mới dịch sách « kỷ hà nguyên-bản ». Danh từ « kỷ hà học » thông dụng từ bấy đến giờ « Géométrie » nghĩa là đo »; « Kỷ-hà » nghĩa là « mấy ». Cái ý « đo » với cái ý « mấy » là hai ý căn bản của số-học, của toán-học. Đối với toán-học, ý « hình » nó lẽ thường phải là cái ý quan hệ đến điểm. Sự nghiên cứu khuôn của vòng mới cũng là hình-học; hội họa cũng là hình học. Nói tắt: chữ hình học có nghĩa bao hàm quát, chữ kỷ-hà học nó là hẹp lý hơn.

2°) *Mạch* lái với *Tính* thì thành « mình ». *Mát* lái với *mở* thì thành « mở ». Khu lái như thế không thể có được « đồng » mạch » và tiếng « mở »: mạch, tính, mát với nhau chỉ có một cách; mạch, mở lại với nhau cũng chỉ có một cách!

Vấn đề « nối lái » có nhiều điều rất quan-hệ đối với ngôn-ngữ văn-tự của dân-tộc ta; chữ Nam đã là một thứ quốc-thiếu-âm, sẽ là một thứ chữ thiếu-âm. Bài sau tôi sẽ bàn về vấn-đề ấy, sẽ gắng bàn một cách tường-tế, phân minh.

TRẦN CẢNH HẢO

2e édition :

CENT RÉDACTIONS CORRIGÉES AU CERTIFICAT D'ÉTUDES COMPLÉMENTAIRES INDOCHINOISES

par MM Trần-Huy Cơ et Nguyễn-Huy Hoàng, Instituteurs

(Ouvrage adopté par la Commission des manuels scolaires)

Prix 2$00 — Port recommandé 0$32

Librairie Đông-Tây 195 Rue du Coton — Hanoi

Ba đạo sắc đời Minh Mạng (1820-1840) là một chuyện thú ở Vũng-tàu (cap Saint Jacques)

SONG-CỐI

Ở cửa biển vào sông Sài-gòn, Vũng-tàu (cap Saint Jacques) là một bán đảo nhỏ, nhô ra giữa biển hình như cái lưỡi dài, trên đó có cây đèn pha để chỉ đường lối cho tàu bè qua lại... Vũng-tàu là một nơi nghỉ mát rất tốt của xứ Nam kỳ.

Xét : 300 năm trước đây, Vũng-tàu nguyên là bờ-cõi của Cao-miên. Về sau, vì đời biến đổi, lẽ nước Cao-miên không phấn-chấn ; nước Việt nam dần dần phát triển về phía nam, cứ lấn-lướt từng bước một. Triều đình Huế bèn sai phái sứ giả và quan lại vào đóng để tiện mở mang bờ cõi « nước » mới ấy. Vũng-tàu ngày nay cũng do đó dựng nên.

Sau, vua Gia-Long (nguyên văn : đi kèm với hiệu « Gia Long » này còn hai chữ « Việt-nam » nữa, nhưng dịch-giả được đi) sai các quan tướng đi quản-lý cả xóm nhỏ ở đấy. Cư dân ở cả làng xóm tại Vũng-tàu phần nhiều là dân chài lưới nghèo khổ, cư trú ở trong nhà tranh. Ba người quan lại đã nhà vua phái đến đó chia đóng ở xóm Nhất, xóm Nhì và xóm Ba ; mà thổ dân cũng gọi ba xóm ấy là xóm Nhất, xóm Nhì, xóm Ba. Tên cũ lâu ngày mất hẳn.

Ngoài ba xóm ấy, đất-đai quanh miền đều hoang-vu lạ không có vết-tích người.

Hồi bây giờ, xứ đó đã thiết lập các quân-doanh và thi-hành phép gọi lính.

Phương-pháp để thi-hành và sử-dụng được cái quyền ấy, là do họ dùng cái pháo nửa tố (có lẽ là ống lệnh ?), vì tiếng nổ của pháo ấy đủ khiến người ta hoảng sợ. Bởi thế thổ-dân sợ phục lạ thường, mà số người tình nguyện ra lính không phải là ít.

Về sau, các quan-lại vào đóng đất ấy thi-hành cái phép phân-phối đất-đai. Phàm các dân-chúng hễ ai muốn có một khoảnh đất ruộng để cày-cấy thì chỉ cần lên quan kêu xin, sẽ có thể được cấp cho đất ruộng, song không thể nhận lính được nhiều. Vì người ta nhận-định rằng sự hoạt động của việc nông chỉ giới-hạn trong vòng cần dùng của sự sống.

Ba vị quan tướng ấy sau thành thủy tổ ở những làng xóm họ đóng : sống ở đấy, chết thôn cũng ở đấy.

Nối sau vua Gia-Long là vua Minh-Mạng. Nhà vua muốn ra ân, ra oai rộng khắp cả thiên hạ để tỏ ý rằng « *Đức vua : trời, đất rộng ; ơn chúa : móc mưa nhuần* » ; cho nên ban phát sắc phong ra khắp bờ-cõi toàn quốc, trên sắc đóng ấn ngự-tỉ và đề niên-hiệu hoàng triều, tức là Minh-Mạng nguyên niên.

Vua Minh-Mạng triệt bỏ hết thảy những thứ tượng-trưng kỷ-niệm của các triều-đại trước đã đổ, ban sắc dụ dân-chúng khiến ai nấy đều biết rõ rằng toàn quốc có cái huy hiệu bình rồng Đại Nam là cái đặc-trưng của hoàng triều hiện thời.

Về việc này, vua Minh-Mạng sai khắc niên hiệu Minh-Mạng trên mỗi tấm bài sắc phong trong miếu thờ thần ở từng xóm. Ý ngài muốn tỏ ra rằng hoàng đế là chủ nhân vạt.

Bấy giờ, ở Vũng-tàu có xảy một chuyện rất thú. Số là Vũng-tàu gồm có ba xóm, nên Nam-triều có ban ba tờ sắc phong. Nhưng những xóm ở đó đều không có tên thực để gọi, vì thế trong tờ sắc chỉ viết là xóm Nhất, xóm Nhì, xóm Ba.

Khi đó, bà người hương trưởng của ba xóm ấy được quan địa-phương truyền bảo phải thân đến nhà-môn mà lĩnh sắc. Bảo ngờ, khi quan tổng đốc truyền bảo « hương trưởng *ba xóm* phải thân đến lĩnh sắc », thì các hương trưởng hiểu lầm tưởng chỉ có hương trưởng *xóm Ba* thân đến lĩnh sắc, rồi bỗng nhiên đến hỏi người đứng lĩnh sắc chỉ là một viên hương trưởng xóm Ba.

Sau khi lĩnh sắc rồi, người hương trưởng xóm Ba bèn lấy tấm da chế thành một chiếc hộp đẹp, rồi lấy nhiễu đỏ bọc các đạo sắc lại mà để vào trong hộp. Hồi bấy giờ không hề có một người nào biết rõ nội-dung ra sao cả. Còn hai thôn-trưởng xóm Nhất, xóm Nhì ngong-ngóng chờ sắc, mòn cả con mắt !

Ngày tháng trôi. Hương-trưởng xóm Ba giữ sắc đã được đến ba đời.

Một ngày kia, xóm Ba vào đám đại-tế. Người trong đám hội bàn nhau ; muốn đem cái hòm sắc ra lau chùi, vì đời xa năm lâu, có cái hạn mối mọt.

Họ bèn chọn định ngày tốt, toàn thể thần hào trong xóm cùng đem

hộp báu mở ra, rồi giở xem các đạo sắc, thì thấy có ba đạo sắc trên viết rõ cả tên ba xóm, tức là xóm Nhất, xóm Nhì và xóm Ba. Trước tình hình ấy, ai nấy làm thinh, rồi lại đem sắc để vào chỗ cũ.

Tin ấy truyền đến xóm Nhất và xóm Nhì. Sau, đối với việc đó, thân hào hai thôn tỏ ý bất bình lắm, rồi quyết-định phải làm hết năng-lực để đòi lấy hai đạo sắc ấy về.

Năm 1926, nhân dịp có quan đốc-phủ của đấy, hai thôn-trưởng xóm Nhất và xóm Nhì lên đem việc đó kêu với quan đốc-phủ, cầu xin bắt xóm Ba phải trả lại hai đạo sắc ấy. Cứ lý ra thì các đạo sắc ấy là do Triều-đình giao cho thôn-trưởng xóm Ba, để chia cấp cho hai xóm kia, nhưng thôn trưởng xóm Ba lại giữ làm của riêng xóm mình.

Quan đốc-phủ đối với việc đòi lại có lý ấy vẫn muốn xử theo lẽ công bằng, nhưng kỳ-lão xóm Ba cố sức cãi rằng đó là đồ-vật của tổ-tông để lại, cần phải trân-trọng giữ lấy.

Vấn đề chưng quy vẫn chưa giải quyết được! Đến nay, ba đạo sắc ấy vẫn còn để ở xóm Ba.

(Dịch theo nguyên văn chữ hán của VÂN-SƠN — *Nam-phong*, số 7, ngày 1er Juillet 1944, trang 25).

VẬN NÔM...

(*Tiếp theo trang 3*)

Dù như khanh ở g muốn ăng tiến y tấu biểu, hậu thủy xu triều (47), thì ra quân nhược thần cường (48), cương thường điên đảo, dầu có chính sự chỉ hay, thi hành sao đặng? Như lấy thế làm bình giáo (49), ở chưa hợp trong sự-thế

Khanh đẳng đã thực lòng ái quốc, thì tua (50) giữ đạo tôn thân, thể lòng trẫn suy thành đãi ngộ (51) sớm nên phân kỳ biện nghi (52), qui triều tạ quá mà hãy phu trần sự lý (53): Như việc bình nhung nội khu-xử những làm sao, trong quan hiệu nên tiến thoái những làm sao, cùng triều thần thương nghị rồi thì thỉnh chỉ phụng hành.

HOA-BẰNG

(Rút trong *Quang Trung* tập II)

(47) *Trước hãy ưng theo lời ở đó đã lâu, rồi sau mới chịu vào chầu.*

(48) *Vua yếu, tôi mạnh.*

(49) *Lấy binh quyền hoặc binh-khí uy hiếp nhà vua mà can-ngăn việc gì.*

(50) *« Tua » nghĩa là « nên, phải ». « Tua giữ » cũng như nói « nên giữ ».*

(51) *Đem lòng thành mà đối đãi.*

(52) *Trừ bỏ những điều hiềm-khích, nghi-ngờ.*

(53) *Tâu bày lý-do mọi việc.*

Thống-chế Pétain đã nói:

Chúng ta phải hi sinh cho nước Pháp. Tổ quốc bao giờ cũng đưa nhân dân đến sự vĩ đại.

Sách mới

Tri Tân vừa nhận được của nhà Đời Mới 3 cuốn sau này:

I *Con ruồi cánh gấm* của Phạm cao Củng, truyện học sinh giá 0$60

II *Con rồng ngủ* của Phan trần Chức — truyện học sinh giá 0$60

III *Hồi chuông Thiên mụ* của Phan trần Chức — truyện thi giá 0$60

Xin cảm ơn nhà xuất bản và giới thiệu cùng các bạn đọc

T.T.

Cảm tạ ông Từ Ngọc

Ông đã chỉ cho những chữ viết lỗi trong tập Trai Nước Nam làm gì. Tôi xin gửi lời cảm tạ

HOÀNG ĐẠO HÚY

HAY ĐỌC

NHỮNG SỰ GẶP GỠ CỦA

ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG

của *Giáo sư VŨ BỘI LIỆU*

Một thiên khảo-cứu công phu — một câu chuyện văn-chương đầy rẫy những điều nhận xét nghiêm nghỉnh và thú vị — Một quyển sách phân tích và ca tụng những cái hay, những cái tài tình của ngôn ngữ Việt-nam, và cho ta rất nhiều tư tưởng về tương lai văn-chương đất nước.

Sách dày 300 trang *Giá 6$00*

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 62

Ứng-hòe NGUYỄN-VAN-TỐ

CXXXV — Kim-vân-Kiều (*bài nối*)

Trong *Kiều* có câu: « Tiểu-thư trông mặt hỏi tra: « Mới về có việc chi mà động dong? » Sinh rằng: « Hiếu-phục vừa xong, Suy lòng trắc Dĩ, đau lòng chung thiên ». Câu ấy dịch ở bản *Kiều* chữ nho: *Thanh-tâm tài-nhân biên thứ* (bản sao của Trường Bác-cổ số A 953, q. 3, tờ 47 a) chép « Tiểu-thư đạo: « Tướng-công nhân thậm hạ lệ? » Thúc sinh đạo: « Khởi phục tại nhĩ, niệm cập mẫu thần, bất giác lệ hạ », nghĩa là « Tiểu-thư nói: Tướng-công có việc gì mà rỏ nước mắt? Thúc-sinh nói: Gần đây vừa mặc áo chở, nghĩ đến mẫu thân, không ngờ giọt lệ chứa-chan ». Xem truyện *Kiều* từ đầu đến đoạn này, chưa chỗ nào nói đến mẹ Thúc-sinh, nay đột nhiên nói mẹ chết, mà Hoạn-thư là con dâu lại không biết, thì không có lý: hoặc là có thiếu sót chữ gì chăng? Nếu có thiếu sót thì chính tại bản chữ nho.

Đến câu « Khen rằng: Hiếu tử đã nên! Tầy trần mượn chén giải phiền đêm thu », so với bản chữ nho, thì trên chữ « tầy trần » cụ Nguyễn-Du bỏ một đoạn nói về tâm-địa Hoạn-thư. Nguyên bản chữ nho như thế này: « Tiểu-thư nói: « Tướng-công nếu vì bà mà rỏ nước mắt, đáng gọi là hiếu ». Thúy-Kiều thấy Thúc-sinh khiên-tính như thế, không thể nào giữ được nước mắt chạy quanh, nhưng lại sợ Hoạn-thư biết nên chạy đi chỗ khác. Song Hoạn-thư biết thừa cái tình huống của hai người, mới mừng thầm rằng: « Phen này thế nào ta cũng làm được việc thú-vị, như cầm con dao giết đứa dâm-phụ, để rồi ta xử chi cho chúng! » Bèn sai sửa rượu rủng Lương-công tẩy trần ».

— Bản quốc-ngữ cũ (1920, tr. 120) chép: « Vợ chồng chén tạc chén thù, Bắt nàng đứng chực tì bồ hai bên; Bắt khoan, bắt nhặt, đến điều, Bắt quì tận mặt, bắt mời tận tay ». Câu thứ hai, chữ « bên », đến câu thứ ba, chữ « điều », xuống câu thứ tư, chữ « mời », sai vần hết cả. Bản quốc-ngữ mới (1943, tr. 453), phường-bản, *Vương Kim chú thích* đều chép là (Bắt nàng đứng chực tì bồ đôi nơi (hoặc hai nơi), Bắt khoan bắt nhặt đến lời, Bắt quì tận mặt, bắt mời tận tay ». Câu « Bắt nàng đứng chực... », kinh bản chép là « Bắt nàng giót rượu, chực hầu đôi nơi ».

— Quốc-ngữ mới (tr. 454) và kinh-bản, *Vương Kim diễn tự* và *Kim Vân-Kiều chú* đều viết « Ngảnh đi chợt nói chợt cười, Cáo say chàng đã giạm bài lẳng ra ». Quốc-ngữ cũ (tr. 121) viết là « tính bài », phường bản viết là « kiếm bài ».

— Quốc-ngữ mới (tr. 455), phường bản, *Vương Kim diễn tự*, *Kim Vân Kiều chú* đều chép « Tiểu-thư cười nói tỉnh say, chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi ». Kinh-bản và quốc-ngữ cũ (tr. 121) chép là « Tiểu-thư cười tỉnh, nói say ». Chữ « cười nói tỉnh say » là chữ ta thường dùng, nói người giả tỉnh giả say, nhưng đoạn này theo kinh-bản và quốc-ngữ cũ mới đúng vào tâm-địa của Hoạn-thư: « cười tỉnh » nghĩa là trong lòng mừng thầm, « nói say » tức là bày ra những cuộc rượu, gẩy đàn, làm cho Thúc-sinh và Kiều trông thấy nhau mà không dám nhìn nhau.

ĐÃ PHÁT HÀNH:

QUANG TRUNG TẬP II

của HOA-BANG HOÀNG-THÚC-TRÂM

Bìa do họa-sĩ TRỊNH-VÂN trình bày

Đến tập hai này là trọn bộ Quang-trung.

Trong có: nhiều sử liệu, nhất là sử liệu đương thời, rất quý giá — Chữ viết đời Quang-Trung — Công-văn đời Quang-trung — Ấn tín nhà Tây-sơn — Văn-nôm đời Tây-sơn...

Cuốn sách có phụ lục về đời **Nguyễn Quang-Toản** *để các bạn biết rõ chung cục của nhà Tây-sơn.*

Giá: **8$00**

TRỊNH-NHƯ-LUÂN

121, Chanceaulme — Hanoi

— Kinh-bản và quốc-ngữ cũ chép « Nàng đã choáng-váng tê-mê, vâng lời, ra trước bình the vặn đàn ». Quốc-ngữ mới (tr-456), phường bản, *Vương Kim diễn tự, Kim Vân Kiều chú* đều viết là « Nàng đã tản-hoán tê mê ». Chữ « bình the » thì *Kim Vân Kiều chú* viết là « man the ». *Thành-tâm tài-nhân* (q. 3, tờ 48 a-b) và *Kim Vân Kiều chú* (q. 2, tờ 48 a-b) chép bài đàn chữ nho như sau này: « Thiếp thân bạc-mệnh lạc xướng gia, giá đắc lương-nhân thực phú hoa, Ỷ-la đội lý sinh ca điệt, phi-thúy quản trung âm luật xa. Truân-chiên đố vũ tùy phong bạc, hựu hướng hầu-môn ký lãng xã. Tiếu đề bất cảm như vô ngã, hỉ nộ do nhân chỉ vấn tha? Văn đạo chủ-ông thiên-lý phản, tương phùng khước thị cựu nùng gia, nhất vi tọa thượng phong-lưu tế, nhất vi trù hạ tiểu-đang oa; tứ mục tương khan sinh-khí đoạn, lưỡng tâm tương chiếu tử tranh ta. Mạn bả Hồ-cầm điều cựu oán, bi tai kim nhật thực khạm ta! Bi kim nhật hề, thứ vị hà vu! Ức cựu sự hề, ẩn phách trường hu! Tương phùng bất ngữ hề, can trường đứt đoạn! Hà thời đồng hội hề, song song dục phi! » Tạm cắt nghĩa như thế này: « Thiếp là người bạc-mệnh, mắc vào nhà thường-kỹ, lấy được người chồng thực đáng bực phú-hoa; khi cưới trong đội ca-nhi tiếng sênh tiếng hát dật-dìu, trong ống phi thúy âm-luật du-dương. Chưa được bao lâu gặp hoạn nạn vì đố vũ (mứa ghen), theo gió ở tạm, lại đến chỗ hầu-môn gửi thân lãng bạt. Không dám cười khóc, làm như không có mình; khi mừng khi giận tự người tá, đắm hỏi ai? Nghe nói chủ ông nghìn dặm trở về, đến khi tương phùng lại là người cũ: một bên làm khách phong-lưu ngồi trên ghế, một bên làm con hầu nhỏ ở dưới bếp; bốn mắt chiếu nhau như không sinh-khí, hai bên tâm chiếu đều chết được. Buồn ôm Hồ cầm như khêu oán-cũ, thương thay ngày nay thực xót xa! Ngày hôm nay là ngày gì, ngôi thứ sao xa cách thế? Nhớ việc ngày xưa cần phách kêu giời! Gặp nhau không nói được, can-trang muốn đứt! Bao giờ lại cùng gặp như đôi uyên ương hai cánh cùng bay! »

***

Số *Tri tân* ra ngày 27 tháng vừa rồi (số 152, tr. 12) có đăng bài *Bàn góp về nguồn gốc tiếng Việt nam* của ông Đào-trọng Đủ, trong nhắc đến « chuyện con vỏ với mấy người lòa » và có câu « tiếc rằng sách không nói đến anh sờ vòi ». — Chính sách có nói đến; tôi sao lại bài in năm 1898 ở quyển *Quảng tập viêm văn (Chrestomathie annamite* của ông Edmond Nordemann, tr 8) để độc-giả thưởng-thức một lối văn tục-truyền: « Xưa có năm người hầy bói chưa biết voi là ế nào, nhân buổi ế hàng, đương ước muốn xem, chợt thấy người ở ta mách có voi đi qua, bảo nhau đi ra tiền cho người quản, để voi đứng lại cho sờ xem. Người quản có ý chơi bỡn, chỉ cho người sờ chỗ vòi, người sờ chỗ ngà, người sờ chỗ tai, người sờ chỗ chân, người sờ chỗ đuôi; xong rồi, thúc voi đi. Năm người hỏi nhau rằng: « Con voi nó như thế nào? » Người sờ chỗ vòi, nói: « Nó như con đỉa ». Người sờ chỗ ngà bẻ rằng: « Không phải, nó như cái đòn cân ». Người sờ chỗ tai bảo rằng: « Nó như cái quạt thóc ». Người sờ chỗ chân cãi rằng: « Nó sừng sững như cái cột nhà ». Đến người sờ chỗ đuôi thì mắng rằng: « Bốn anh nói xằng cả; nó chính như cái chổi rễ cùn ». Năm người cãi nhau mãi, rồi cầm gậy đánh nhau, vỡ toạc đầu, chảy máu cùng vào quan thưa kiện, kể sự trước sau như thế. Ông quan phì cười, sai lính đi tìm người quản đem voi đến, bắt nó đứng yên để cho năm người hầy bói cùng sờ khắp cả đầu đuôi mình mẩy... »

(*Còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN VĂN TỐ

ĐÃ CÓ BÁN

HOA MỘNG

của *TRƯƠNG VĂN*

1) *Thơ làm* (có nhiều bài độc-sắc, hoa, ca, từ khúc v.v.)
2) *Thơ dịch* (có mấy bài trường thư viết bằng bút lông Kiều tự)
3) *Thơ dịch Pháp văn* (lựa những bài tuyệt-tác của *Lamartine Victor Hugo Alf de Musset, Baudelaire, Verlaine S. Prud'homme Rémier, Maeterlinck, Clesse de Noailles* v.v.

Ông Nguyễn Hiệu Luật riêng chú-ý đến phần này mới khen dịch-giả (xem *Tao Đàn* số 13 1939) có tài viết hóa văn-chương Pháp như bà Nguyễn Bá Trác (Tố Tâm Chinh-phụ-Ngâm) có tài việt hóa [illegible]

Ai muốn xem ba nàng xin gửi tem 0$10 cho Kiosque Thanh Tao Hình.

Hoa « Hoa-Mộng » ở các hiệu sách lớn.

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân lống An-Tư công-chúa
vu Thoát Hoan, dục thư quốc nan dã. »
Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN HUY-TƯỞNG

Số 7

— Ta phải đi một việc rất khẩn cấp không tiện nói ra đây. Các người nóng muốn lên đường, ta biết, nhưng đành vậy, hãy nán nả chờ ta vài bữa. Ta đi, công việc nhỏ nhỏ ở nhà giao cả cho Quỹ, các người nên nghe lời Quỹ cũng như nghe ta. Đừng có xao-nhãng nghề binh, chểnh mảng đội ngũ. Các người chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho đi đêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy.

Chàng chào mọi người rồi bước ra. Họ có ý thất vọng, và dường như ghen cùng chủ. Nhưng dần dần bình bạc, họ không oán chàng nữa, cho rằng việc chàng phải đi đây chắc còn quan trọng gấp mười việc ra trận. Họ cũng đã thừa hiểu chính Vương cũng sốt ruột lắm, không khi nào chàng lại ở ý hoãn việc tiến binh.

Khi Chiêu-thành vương đến cửa Dương-minh, thì vua Thiệu Bảo đang đi đi lại lại chờ đợi. Thấy Vương, vua nói :

— Nào ta đi cho được việc.

Vương theo vua ra bến sông cái. Dân gian biết là vua đi, kéo nhau lũ lượt theo sau, khắp các phố phường người ta đổ ra, tiếng hô Vạn tuế vang lừng, vui vầy và đầm ấm. Nếu là ông vua khác, thì dân chúng đã phạm vào tội bất kính, nhưng vua Thiệu Bảo lại lấy thế làm thích. Vua vốn người nhân từ, công chính, hàng ngày thường cúi xuống bách tính, xem xét dân tình, có khi vi hành để thân dân. Vua không bỏ lỡ một dịp nào để giúp họ : đói kém thì phát gạo, rách rưới thì ban quần áo. Vua không nề hà gì, giáng lâm cả vào túp lều tranh ẩm thấp, trò chuyện cùng ông già bà cả, có khi ôm ẵm trẻ nhỏ giữa những tiếng cười hồn nhiên của đám bình dân.

Thượng-hoàng nhiều khi quở, các quan nhiều lần can, vua vẫn không sao bỏ được thói quen khả ái ấy, phát sinh từ lòng hồn nhiên bác ái bao trùm đẳng cấp. Vì vua hay gần-gụi với dân gian, nên mỗi khi đi đâu, bách tính kéo ra theo như nước. Những lúc ấy vua không bao giờ cần hộ vệ, để được hoàn toàn chung sống với những người chất phác, thành tâm quyến luyến. Họ đã coi vua như một Thế Tôn, một Bồ-Tát đầy lòng từ-bi hỉ xả ; họ chỉ đợi dịp báo ơn ông vua nhân hậu.

Được gần vua, họ đã biết tính tình vua, cả những thói quen của vua. Từ mấy năm nay, lòng dân yêu vua lại càng tăng nữa. Họ biết nhà Nguyên xách nhiễu, sứ Mông vô lễ, khinh Triều-đình, họ cũng nhớ rõ thái độ ngỗ ngược của viên Thượng-thư Sài-Thung khinh người như cỏ rác. Vậy mà vua Thiệu-Bảo cứ chịu nhục đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác không phải vì vua sợ chúng. Dân gian đã biết vua là một người quả cảm, cương nghị, nhưng sở dĩ vua phải chịu nước lép chỉ vì — họ đã biết rõ — Vua không ưa chiến tranh. Vua muốn dân xếp khôn khéo, đem tài ngoại giao mưu lấy cuộc hòa bình, tránh cho bách tính cái thảm họa binh cách. Ngày thường vẫn còn chưa lo đủ cho dân no ấm huống chi còn đi chuốc lấy một việc hung. Vốn là nhà chính trị khôn ngoan và sáng suốt, vua Thiệu-Bảo biết chiến tranh tai hại, khốc liệt, không lợi gì cho kẻ dự chiến, bên thắng cũng như bên bại, và ông vua giỏi không phải là một người cùng bình độc vũ, tìm những thủ-đoạn oanh liệt trên chiến địa, mà là người biết mưu hạnh phúc cho dân gian trong không khí yên vui.

Vì thế, vua tuy không phải là thiếu dũng, cứ trù trừ mãi, mặc dầu sự yêu xách của Hốt tất Liệt trở nên gay gắt vô lý. Việc quân Nguyên đòi mượn đường sang Nam đánh Chiêm-thành là một việc không thể nào chiều được. Dân đều biết đức vua lo nghĩ : Họ sốt ruột và sôi nổi vô cùng. Họ không chịu được những nước lép về. Họ giận thấm gan tím ruột quân Mông-cổ và sứ thần hống hách của

chúng, họ lấy làm nhục để vua phải nhường chịu địch nhân, và muôn người như một, họ nung nấu lòng phẫn khích, chỉ mong đạt đạo lên vua! Thà chết cả chứ không chịu nhục, dù yếu nhưng không chịu thua mạnh, đó là tâm lý chung của dân chúng khi ấy, nhất là dân chúng kinh thành. Lòng muôn người đều nghĩ đến việc tận trung báo quốc, để cho vua đỡ lo, vai đỡ nặng, mắt đỡ buồn. Họ chỉ đợi một chiến hưng sư là sẽ bỏ ra ít ước cờ, xin đi đánh giặc.

Vua Thiệu-Bảo đã qua bao nhiêu đêm tâm khuyên cải thế đã giục Triều-đình tuốt gươm đập lại những uy nhiếp của nhà Nguyên. Vua đã quyết định, dân chúng mạnh-mạnh tin đều thở dài sung sướng. Họ muốn quây ngay lấy vua, xin ngài đừng lo ngại. Họ đã sẵn lòng vì vua ủng hộ ngôi báu và giang sơn và quân Nguyên sẽ không qua được nước Nam một khi hơi thở của người cuối cùng chưa tắt.. Giữa lúc ấy thì một tờ chiếu ban ra: Trước khi quyết định, Triều-đình cho triệu bô lão trong thiên hạ để trưng cầu ý kiến.

Dân gian ngờ đâu có sự phi thường ấy. Họ còn nhớ rõ như hôm qua, cái ngày trọng đại, trong khi bóng hung tợn của quân Mông-cổ đã hiện rõ ngoài biên, kinh đô đã được trang hoàng như một ngày hội lớn, cờ quạt tàn tán la liệt trong các cung điện, cửa ô và mặt hoàng thành. Thăng long đã có đại biểu của họ: Mười vị lão thành chủ chiến. Bốn cửa thành mở rộng, để đón đại biểu các nơi binh lính tấp nập dẹp đường để giữ trật-tự.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

Giới thiệu

I — *Sức sống của dân Việt nam* của Đặng ngọc Tốt, Dương đức Hiền và Nguyễn-đình Thi. Lửa hồng xuất bản. Giá 1$50

II — *Truyện rừng xanh* của Phạm-xuân Độ, phỏng thuật theo Rudyard Kipling — Alexandre de Rhodes xuất bản. Giá 4$00

III *Văn minh sử yếu lược* (quyển thượng) của Nguyễn bách Khoa trong tạp chí Văn Mới số 38 và 39 Hàn Thuyên xuất bản. Giá 4$00

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn đọc.

T.T.

***

Bác-sĩ Nguyễn Tuấn Phát đã từng chữa tại nhiều bệnh-viện nhà nước mãn hạn công quán sẽ mở phòng tham bệnh tại Hanoi số 21 phố Lý Thường Kiệt (cạnh viện Tế sinh), Bác sĩ sẽ tiếp khách từ 15 Août 1944

MUON CON HIỀN, CHÁU THAO
TRONG NHÀ PHẢI CÓ SÁCH

TÂN HIẾU-KINH
(có nguyên-văn chữ Hán)
Giá 1$20

ĐÃ CÓ BÁN

Du-Thuyết yếu-thuật	3$80
Lịch-sử Báo Chí	2$00
Nghệ-thuật và danh giáo	2$50
Phụ-nữ Việt-Nam	2$50
Khổng-Tử học-thuyết I	4$50
Việt-Hoa thông-sử sử lược	5$00

QUỐC-HỌC
THƯ XÃ HANOI XUẤT-BẢN

Thư-xã Alexandre de Rhodes
Mới xuất bản hai cuốn

TRUYỆN RỪNG XANH
Phạm xuân Độ phỏng-thuật
Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ lạ và lý thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23

LỤC SÚC TRANH CÔNG
bản dịch Pháo văn của Hoàng-hữu Xứng và A de R
Bình-phẩm cuốn này, Cố Cadière đã nói: « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục súc tranh công còn tự-nhiên, phổ thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm.. » dày 150 trang, khổ 17x23 bìa ẽ mỹ thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi quốc hàn thường 4$00 cước 0$50
bản giấy Đại la 12$00 cước 1$00
Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC
SỬ LƯỢC
của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quí của bết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại:

Loại thường bán 6$00 cước 0$47

Loại đặc-biệt 15$00 cước 0$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

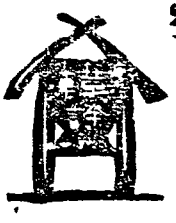

25 Août có bán

Hai bà Trưng
khởi nghĩa

Tác giả : NGUYỄN-TẾ-MỸ

— Những lực lượng nào đã giúp hai bà Trưng chiến thắng ? Và những nhân nào đã làm ra sự thất bại của hai bà ?

— Tính cách cuộc khởi nghĩa đó là tích-cách gì ? ảnh hưởng của nó trong xã hội Việt Nam dưới quyền đô độ triều Hán ra sau ?

HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH

71 Tien tsin Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH phát hành

đã có bán :

LÒNG YÊU NƯỚC

Ed de Amicis đại văn hào nước Ý soạn

Hải-Hạc dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tinh thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tình cảm, và rèn luyện tâm-tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in :

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải-Tùng soạn

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 15 Juillet 1944, xin trừ 20 % cước phí không phải chịu.

Vị nào muốn biết nội-dung sách, xin cho biết địa-chỉ.

Thư từ tiền nong xin về :

ô. Nguyễn văn Minh

Hiệu Quảng vạn Thành — Hanoi, 16 phố Lê Lợi

Haiphong, 51 — Doumer — Haidương Kinh môn phố Yên lụa.

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn Tường Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hano